



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU - (PVCFC)**



# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

## BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



### TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

#### SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM  
Điện Thoại: (84-8) 38217713 - Fax: (84-8) 38217452



### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Địa chỉ: Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Địa chỉ: 24 - 26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp HCM

8.	Sơ đồ tổ chức của Công ty.....	18
8.1.	Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa.....	18
8.2.	Sơ đồ tổ chức của Công ty dự kiến sau khi cổ phần hóa.....	19
9.	Danh sách ban lãnh đạo Công ty .....	20
9.1.	Danh sách Hội đồng thành viên.....	20
9.2.	Kiểm soát viên chính. ....	20
9.3.	Danh sách Ban Tổng Giám đốc.....	20
10.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa .....	28
10.1.	Quá trình hình thành và phát triển .....	28
10.2.	Các thành tích của PVCFC:.....	29
10.3.	Tình hình hoạt động kinh doanh của PVCFC giai đoạn 2012 đến nay.....	30
10.3.1.	Tình hình hoạt động sản xuất .....	30
10.3.2.	Nguồn nguyên vật liệu .....	30
10.3.3.	Tình hình hoạt động kinh doanh .....	32
10.3.4.	Thị trường tiêu thụ sản phẩm của PVCFC:.....	34
10.3.5.	Chỉ tiêu doanh thu .....	38
10.3.6.	Chỉ tiêu chi phí .....	38
10.3.7.	Chỉ tiêu lợi nhuận và chỉ tiêu tài chính .....	40
10.3.8.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm .....	42
10.3.9.	Hoạt động Marketing.....	44
10.3.10.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	45
10.3.11.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	46
10.3.12.	Thuế và nộp ngân sách Nhà nước .....	46
10.3.13.	Một số chỉ tiêu tổng hợp.....	47
10.4.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo .....	48
10.4.1.	Thuận lợi:.....	48
10.4.2.	Khó khăn:.....	49
11.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	49
11.1.	Vị thế của PVCFC trong ngành .....	49
11.2.	Triển vọng phát triển của ngành .....	49
12.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa .....	51
12.1.	Tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược .....	51
12.1.1.	Tầm nhìn chiến lược .....	51
12.1.2.	Sứ mệnh .....	51
12.1.3.	Giá trị cốt lõi .....	52
12.1.4.	Mục tiêu chiến lược.....	52

## MỤC LỤC

PHẦN MỘT.....	1
THÔNG TIN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC).....	1
1. Thông tin liên quan đến đợt đầu giá bán cổ phần lần đầu .....	1
2. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành ra bên ngoài:.....	1
3. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành.....	3
3.1. Tổ chức phát hành.....	3
3.2. Tổ chức thực hiện đấu giá.....	3
3.3. Tổ chức tư vấn .....	3
4. Danh sách thuật ngữ và từ viết tắt .....	4
5. Căn cứ pháp lý về đợt phát hành .....	5
6. Những người chịu trách nhiệm chính với Bản công bố thông tin .....	6
6.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa .....	6
6.2. Tổ chức phát hành.....	6
6.3. Tổ chức tư vấn .....	6
PHẦN HAI.....	7
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....	7
1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa.....	7
1.1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa .....	7
1.2. Tên và địa chỉ doanh nghiệp dự kiến sau khi cổ phần hóa .....	7
2. Ngành nghề kinh doanh .....	8
2.1. Ngành nghề kinh doanh trước khi cổ phần hóa .....	8
2.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau khi cổ phần hóa .....	8
3. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty .....	9
3.1. Sản phẩm Urê.....	9
3.2. Sản phẩm Bao bì.....	12
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	12
5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013.....	13
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	15
6.1. Tình hình tài sản cố định .....	15
6.2. Tình hình quản lý và sử dụng nhà đất.....	16
7. Danh sách chi nhánh, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của tổ chức phát hành	17
7.1. Danh sách các chi nhánh và đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của PVCFC .....	17
7.2. Danh sách công ty mà PVCFC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: .....	17
7.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết .....	17
8. Sơ đồ tổ chức của Công ty.....	18
8.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa.....	18
8.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty dự kiến sau khi cổ phần hóa.....	19
9. Danh sách ban lãnh đạo Công ty .....	20

12.1.5. Phương án đầu tư phát triển, chiến lược phát triển của doanh nghiệp .....	54
12.1.6. Kế hoạch sản xuất .....	55
13. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	56
14. Các nhân tố rủi ro .....	56
14.1. Rủi ro về kinh tế.....	56
14.2. Rủi ro về luật pháp.....	57
14.3. Rủi ro tỷ giá.....	57
14.4. Rủi ro của đợt chào bán .....	57
14.5. Rủi ro khác.....	58
15. Phương thức bán & thanh toán tiền mua cổ phần. ....	58
15.1. Phương thức bán cổ phần.....	58
15.1.1. Đối với người lao động: .....	59
15.1.2. Đối với tổ chức Công đoàn .....	59
15.1.3. Đối với nhà đầu tư chiến lược .....	60
15.1.4. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá: .....	60
15.2. Phương thức thanh toán & thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần .....	61
16. Kế hoạch sử dụng tiền từ bán cổ phần .....	61
THAY LỜI KẾT .....	63

# PHẦN MỘT

## THÔNG TIN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

### 1. Thông tin liên quan đến đợt đầu giá bán cổ phần lần đầu

1	Số lượng cổ phần bán đấu giá	128.951.300 cổ phần
2	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
3	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
4	Giá khởi điểm	12.000 đồng/cổ phần
5	Số lượng cổ phần tối đa một tổ chức được đăng ký mua	128.951.300 cổ phần
6	Số lượng cổ phần tối đa một cá nhân được đăng ký mua	128.951.300 cổ phần
7	Số lượng cổ phần tối đa một nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua	128.951.300 cổ phần
8	Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
9	Vốn điều lệ	5.294.000.000.000 đồng

### 2. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành ra bên ngoài:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	269.994.000	51,00%	2.699.940
2	Cổ phần bán ra ngoài	259.406.000	49,00%	2.594.060
	<b>Trong đó:</b>			
2.1	Phần ưu đãi cho CBCNV	1.503.400	0,28%	15.034
2.2	Phần bán đấu giá công khai thông qua HSX	128.951.300	24,36%	1.289.513
2.3	Phần bán cho nhà đầu tư chiến lược của PVCFC	128.951.300	24,36%	1.289.513
	<b>TỔNG CỘNG (1+2)</b>	<b>529.400.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.294.000</b>

- **Phương thức đấu giá:** Đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- **Đối tượng tham gia:** Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **Đặt cọc:** 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
- **Thời gian nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư tại các Đại lý:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **Thời gian tổ chức đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **Địa điểm tổ chức đấu giá:**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HỒ CHÍ MINH

Số 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM

- **Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá tại các Đại lý:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **Thời gian nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **Danh sách Đại lý đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

### 3. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành

#### 3.1. Tổ chức phát hành

##### **CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)**

Địa chỉ: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1,  
Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: (84.780) 3819000 Fax: (84.780) 3590501

Website: <http://www.pvcfc.com.vn>

#### 3.2. Tổ chức thực hiện đấu giá

##### **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM (HSX)**

Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM

#### 3.3. Tổ chức tư vấn

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)**

Trụ sở: Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4)3934 6888 Fax : (84-4)3934 3999

Website: <http://www.psi.vn>

**Chi nhánh TP. HCM:** 24 -26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: (84-8)3914 6789 Fax : (84-8)3914 6969

**Chi nhánh Đà Nẵng:** Tầng 3, 53 Lê Hồng Phong, Q.Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 389 9338 Fax: (0511) 3899339

**Chi nhánh Vũng Tàu:** Tầng 5, 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 36254520/22-26 Fax: (064) 36254562

#### 4. Danh sách thuật ngữ và từ viết tắt

PVCFC	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
PVN	Tập đoàn dầu khí Việt Nam
Ban Giám đốc	Ban Giám đốc PVCFC
CB-CNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần
CPH	Cổ phần hóa
CSH	Chủ sở hữu
CTCP	Công ty cổ phần
ĐVT	Đơn vị tính
IPO	Đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng
Nghị định 59	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
Phương án cổ phần hóa	phương án cổ phần hóa PVCFC
BCĐ	Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa PVCFC
GTGT	Giá trị gia tăng
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TT 196	Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần
TGV	Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa PVCFC
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
XDCB	Xây dựng cơ bản
ĐBSCL	Đồng Bằng Sông Cửu Long
ASXH	An sinh xã hội



## 5. Căn cứ pháp lý về đợt phát hành

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Nghị định 189/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ.
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
- Quyết định số 5963/QĐ-DKVN ngày 29/8/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam về việc Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau tại thời điểm 31/12/2013 để cổ phần hóa
- Quyết định số 2341/QĐ-DKVN ngày 24/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam về việc Phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau thành Công ty cổ phần.

## 6. Những người chịu trách nhiệm chính với Bản công bố thông tin

### 6.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

<b>Ông Phan Đình Đức</b>	Chức vụ: Thành viên HĐQT PVN – Trưởng Ban
<b>Ông Lê Mạnh Hùng</b>	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc PVN – Phó Ban
<b>Ông Lê Đình Mậu</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng kiểm Trưởng Ban Tài chính kế toán và kiểm toán PVN – Thành viên
<b>Ông Trần Việt Dũng</b>	Chức vụ: Phó Trưởng Ban Tổ chức nhân sự PVN – Thành viên
<b>Ông Phan Anh Minh</b>	Chức vụ: Trưởng Ban Pháp chế PVN – Thành viên

### 6.2. Tổ chức phát hành

<b>Ông Nguyễn Đức Thành</b>	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên PVCFC – Thành viên BCĐ CPH
<b>Ông Bùi Minh Tiến</b>	Chức vụ: Tổng Giám đốc PVCFC - Thành viên BCĐ CPH
<b>Ông Lê Ngọc Minh Trí</b>	Chức vụ: Kế Toán trưởng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

### 6.3. Tổ chức tư vấn

<b>Ông Phạm Quang Huy</b>	Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
<b>Ông Mai Trung Dũng</b>	Chức vụ: Phó Giám Đốc – Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau cung cấp

# PHẦN HAI

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

### 1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa

#### 1.1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**
- Tên tiếng Anh: **PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **PVCFC**
- Trụ sở: Lô D, Khu Công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Điện thoại: (84.780) 3819000
- Fax: (84.780) 3590501
- Website: [www.pvcfc.com.vn](http://www.pvcfc.com.vn)

- Logo:



#### 1.2. Tên và địa chỉ doanh nghiệp dự kiến sau khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**
- Tên tiếng Anh: **PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PVCFC**
- Trụ sở: Lô D, Khu Công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Điện thoại: (84.780) 3819000
- Fax: (84.780) 3590501
- Website: [www.pvcfc.com.vn](http://www.pvcfc.com.vn)
- Logo: (như trên)

## 2. Ngành nghề kinh doanh

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001012298 đăng ký thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/03/2014, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau có đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ:
  - o Sản xuất, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, phân phối phân bón, sản phẩm hóa chất dầu khí khác.
  - o Xuất nhập khẩu, kinh doanh phân bón, hóa chất dầu khí.
  - o Đầu tư, góp vốn liên doanh liên kết với các đơn vị khác để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có liên quan đến phân bón hóa chất và dầu khí.
- Các dịch vụ trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất dầu khí khác có liên quan.
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, kho bãi, đầu tư tài chính, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.

### 2.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau khi cổ phần hóa

- Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn, bán lẻ phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp;
- Tư vấn hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất;
- Kho bãi và lưu giữ và bốc xếp hàng hóa;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### 3. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

#### 3.1. Sản phẩm Urê



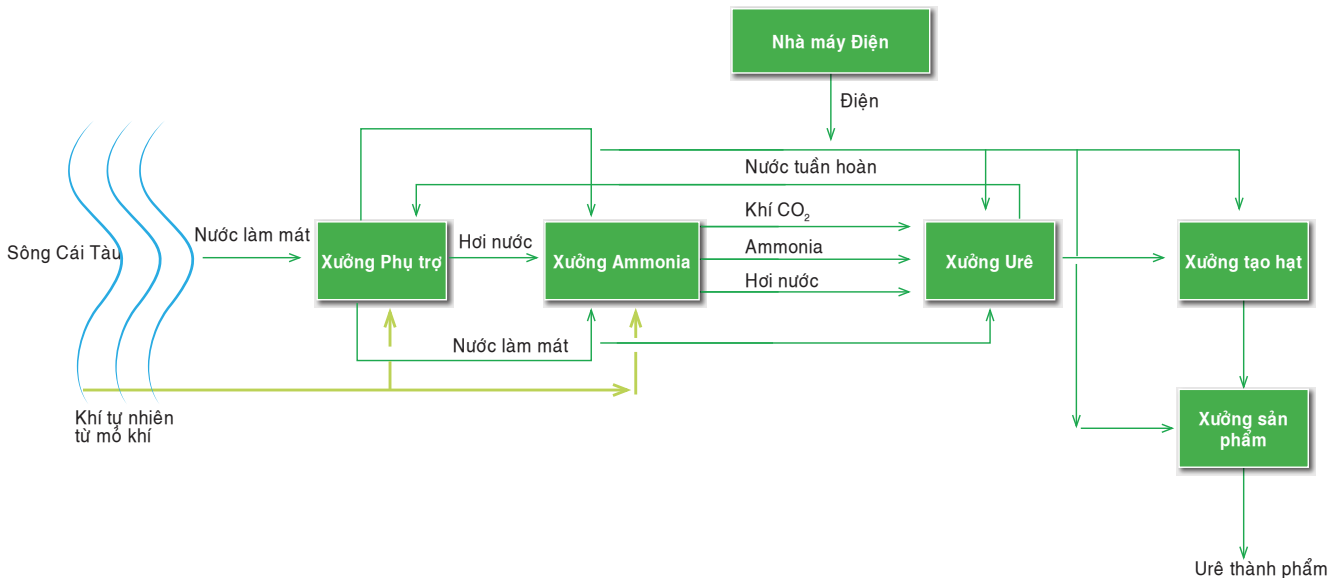
Ngày 30/1/2012, Nhà máy Đạm Cà Mau đón dòng sản phẩm thương mại đầu tiên - đạm urê hạt đục.

**Đạm Cà Mau – Hạt Ngọc Mùa Vàng** là thương hiệu phân đạm hạt đục chất lượng cao Việt Nam (TCVN 2619) với nhiều tính năng nổi trội như phân giải nitơ chậm, giúp cây trồng hấp thu dinh dưỡng hiệu quả, làm cho cây xanh bền và tiết kiệm phân bón, cỡ hạt đồng đều, không hạt vụn nên dễ rải và dễ phối trộn..., chỉ trong hơn một năm qua, sản phẩm Đạm Cà Mau đã phủ kín khu vực ĐBSCL và trở thành sự lựa chọn tin cậy của đông đảo bà con nông dân.

Các thông số cơ bản về sản phẩm như hàm lượng đạm, tỷ lệ tạp chất, độ ẩm đều tốt hơn so với tiêu chuẩn Việt Nam.

Chỉ tiêu	Thông số	Tác dụng
Hàm lượng Nitơ	≥46,3 % khối lượng	
Hàm lượng Biuret	≤0,99 % khối lượng	Giảm bạc màu, chai đất
Hàm lượng nước	≤0,5 % khối lượng	Hạt đạm lâu kết tủa, tăng thời gian hòa tan trong nước

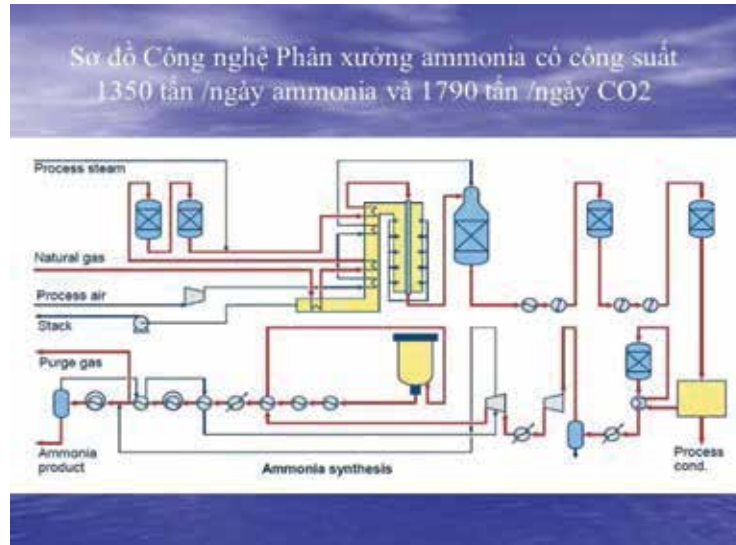
Hiện nay, sản phẩm Đạm Cà Mau được đóng gói dưới 2 hình thức là loại 50kg/bao (*bao thông thường*) được sử dụng tiêu thụ trong nước là chủ yếu và loại 1.000 kg/bao (*bao Jumbo*) được sử dụng cung cấp cho thị trường xuất khẩu và một số nhà máy NPK. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp cả hàng xá (*hàng rời*) phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng, nhất là khách hàng quốc tế.



Công nghệ được áp dụng cho Nhà máy Đạm Cà Mau đều là các công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất hiện nay. Hầu hết các thiết bị chính, quan trọng đều có xuất xứ từ EU/G7. Các tiêu chuẩn áp dụng cho Nhà máy là các tiêu chuẩn Quốc tế (ASME, API, JIS...) và các tiêu chuẩn bắt buộc về môi trường và an toàn, PCCC của Việt Nam. Cụ thể bao gồm:

**Công nghệ sản xuất Ammonia của Haldor Topsoe SA - Đan Mạch:** là nhà bản quyền lâu năm và uy tín trong lĩnh vực sản xuất Ammonia, công nghệ sản xuất luôn được cập nhật và cải tiến. Được áp dụng vào những lisence mới như với CMFP được thể hiện ở hệ thống đầu đốt, hệ thống logic kiểm soát an toàn hệ thống, bố trí lớp bê tông chịu nhiệt, thể hệ thiết bị tổng hợp Ammonia.

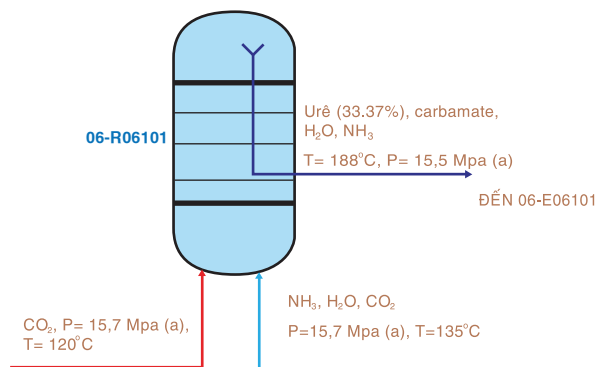
Bản quyền công nghệ Haldor-Topsoe được đánh giá cao trên toàn thế giới là công nghệ tiêu hao năng lượng thấp, hiệu suất cao.



**Công nghệ sản xuất Urê của Snamprogetti - Itaty:** Công nghệ tổng hợp Urê của Snamprogetti sử dụng NH<sub>3</sub> tự phân tách trên cơ sở quá trình bay hơi tái sinh tuần hoàn toàn bộ, là công nghệ sản xuất tiên tiến, hiệu quả và an toàn.

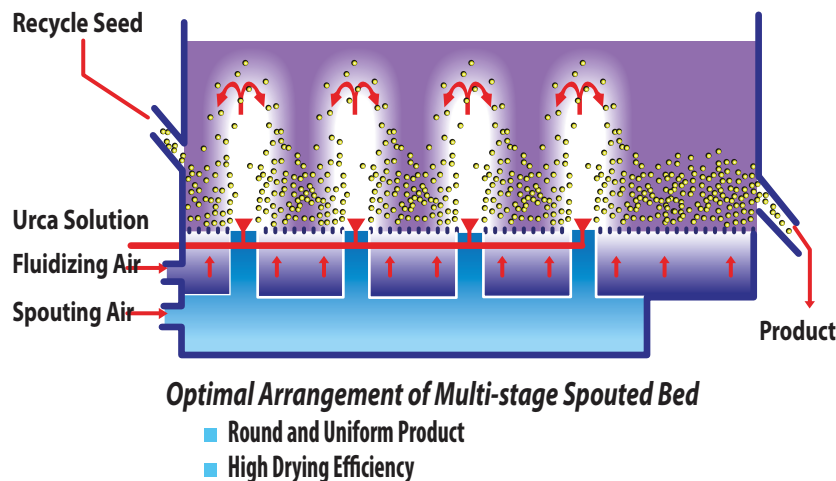
- Công nghệ tổng hợp Urê của hãng Snamprogetti đã được chuyển giao thành công tại Nhà máy Đạm Cà Mau và hiện đang đang được đội ngũ vận hành tiếp nhận, vận hành thành thực.
- Công nghệ này thường xuyên được cập nhật để nâng cao tính tự động hóa và độ an toàn trong công nghệ cao áp và môi trường dễ cháy nổ. Điều này thể hiện rõ trong dự án CMFP bằng những van motor thay thế cho van tay, hệ thống phân tích online khí cháy nổ để có điều chỉnh kịp thời.

### THÁP TỔNG HỢP URÊ 06-R-06101



**Công nghệ vè viên tạo hạt của Toyo Engineering Corp. - Nhật Bản:** TEC sở hữu công nghệ tạo hạt có tên gọi là “Spout-Fluid Bed Granulation” được phát triển và vận hành thành công xưởng tạo hạt đạm với công suất cao. Hiện, TEC đã thiết kế những phân xươg vè viên với công suất 3250 tấn/ngày.

- Công nghệ tạo hạt của TEC cho ra nhiều sản phẩm hạt có kích thước khác tương ứng với mỗi mục đích sử dụng như đổ đống, rải trên không cho rừng... hay là yêu cầu của thị trường bằng cách thay đổi kích thước của lỗ sàn.
- Hệ thống tạo hạt có thể hoạt động liên tục không phải vệ sinh với thời gian khoảng 4 hay 6 tuần, không gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất đậm bởi dung dịch đậm sẽ được chứa trong bồn chứa dung dịch đậm lỏng.
- Dựa trên các nhà máy đang áp dụng và những nghiên cứu khoa học, TEC đã đẩy mạnh việc cải tiến phần thiết kế thiết bị lọc bụi nhằm mục đích thu hồi bụi tốt hơn và giảm giá thành lắp đặt. Bụi đậm có trong không khí thải hầu như không có.



### 3.2. Sản phẩm Bao bì

Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) là công ty con của PVCFC chuyên sản xuất sản phẩm bao bì PP dệt có in hoặc không in màu; Bao bì PP tráng màng PE/PP có in hoặc không in màu; Túi HDPE/ LLDPE cho nhóm khách hàng công nghiệp các Công ty xuất khẩu gạo, phân bón, thức ăn chăn nuôi.

Hiện nay, PPC đang vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất bao bì theo công nghệ sản xuất của Đài Loan, thuộc nhóm tiêu chuẩn Châu Âu hoàn toàn tự động với công suất thiết kế 20 triệu bao/năm.

### 4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Số lao động chuyển sang Công ty cổ phần tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 29/8/2014 là 806 người:



Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>806</b>	<b>100</b>
Trên đại học	14	1,74
Đại học	377	46,78
Cao đẳng và trung cấp	131	16,25
Công nhân kỹ thuật	219	27,17
Lao động phổ thông	13	1,61
Sơ cấp, lái xe	52	6,54
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>806</b>	<b>100</b>
Diện không ký HĐLĐ (do PVN bổ nhiệm)	7	0,87
Hợp đồng không thời hạn	177	21,96
Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	620	76,92
Hợp đồng thử việc	2	0,25
<b>Theo giới tính</b>	<b>806</b>	<b>100</b>
Nam	688	85,36
Nữ	118	14,64

Nguồn: PVCFC

## 5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013

### Căn cứ theo các tài liệu:

Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp PVCFC do Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt lập;

Quyết định số 643/QĐ-DKVN ngày 25/1/2014 của HĐQT PVN về việc Phê duyệt cấp bổ sung Vốn đầu tư của PVN cho Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau thuộc Ban Quản lý Dự án cụm Khí-Điện-Đạm Cà Mau và điều chỉnh tăng thêm Vốn điều lệ của PVCFC.

Quyết định số 5963/QĐ-DKVN ngày 29/8/2014 của HĐQT PVN về việc Giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau tại thời điểm 31/12/2013 để cổ phần hóa.

Khoản mục (1)	Số liệu theo sổ sách kế toán (2)	Số liệu xác định lại của tổ chức định giá (3)	Chênh lệch (4)=(3)-(2)
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>	<b>14.215.009.612.968</b>	<b>15.422.755.588.791</b>	<b>1.207.745.975.823</b>
<b>I. Tài sản dài hạn</b>	<b>11.312.419.767.801</b>	<b>12.350.028.224.652</b>	<b>1.037.608.456.851</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn			
2. Tài sản cố định	11.150.078.616.602	12.184.231.575.684	1.034.152.959.082
2.1. TSCĐ hữu hình	11.145.959.886.333	12.180.112.845.415	1.034.152.959.082
2.2. TSCĐ vô hình	410.716.670	410.716.670	
2.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.708.013.599	3.708.013.599	
3. Bất động sản đầu tư			
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25.150.000.000	28.605.497.769	3.455.497.769
5. Tài sản dài hạn khác	137.191.151.199	137.191.151.199	
<b>II. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.902.589.845.167</b>	<b>2.902.589.845.786</b>	<b>619</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.348.182.799.062	2.348.182.799.681	619
+ Tiền mặt tồn quỹ	228.182.798.962	228.182.799.681	719
+ Tiền gửi ngân hàng	2.120.000.000.100	2.120.000.000.000	(100)
2. Các khoản ĐT tài chính ngắn hạn			
3. Các khoản phải thu	43.166.316.837	43.166.316.837	
4. Hàng tồn kho	417.469.220.065	417.469.220.065	
5. Tài sản ngắn hạn khác	93.771.509.203	93.771.509.203	
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>		<b>136.962.280.053</b>	<b>136.962.280.053</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>		<b>33.175.238.300</b>	<b>33.175.238.300</b>
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>			
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>			
<b>D. Tài sản hình thành từ Quỹ KTPL</b>			
<b>Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)</b>	<b>14.215.009.612.968</b>	<b>15.422.755.588.791</b>	<b>1.207.745.975.823</b>
<b>Tổng giá trị thực tế của DN (mục A)</b>	<b>14.215.009.612.968</b>	<b>15.422.755.588.791</b>	<b>1.207.745.975.823</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>10.781.207.935.171</b>	<b>10.814.383.173.471</b>	<b>33.175.238.300</b>
E2. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
E3. Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành			
<b>Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN [A - (E1 + E2 + E3)]</b>	<b>3.433.801.677.797</b>	<b>4.608.372.415.320</b>	<b>1.174.570.737.523</b>

Nguồn: Biên bản XĐGTDN theo phương pháp tài sản của PVCFC thời điểm 31/12/2013

### Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá PVCFC và PVN phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là **4.608.372.415.320 đồng** (đã bao gồm 235.727.454.968 đồng lợi nhuận để lại tại doanh nghiệp phải trả về cho PVN).

Văn bản 4341/QĐ-DKVN ngày 27/06/2014 của PVN có yêu cầu PVCFC chuyển trả về PVN 235.727.454.968 đồng là phần lợi nhuận để lại tại DN.

Quyết định số 643/QĐ-DKVN ngày 25/1/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Phê duyệt cấp bổ sung Vốn đầu tư của PVN cho Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau số vốn **921.959.846.545 đồng**.

Tổng phần vốn Nhà nước hiện có tại PVCFC: 4.608.372.415.320 - 235.727.454.968 + 921.959.846.545 = **5.294.604.806.897 đồng**.

## 6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

### 6.1. Tình hình tài sản cố định

Tình hình TSCĐ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2013 như sau:

Đơn vị: đồng			
Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>A. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH</b>	<b>13.380.971.704.077</b>	<b>2.235.011.817.744</b>	<b>11.145.959.886.333</b>
1. Nhà cửa vật kiến trúc	3.139.235.751.927	503.092.081.437	2.636.143.670.490
2. Máy móc thiết bị	10.174.654.404.702	1.715.268.331.711	8.459.386.072.991
3. Phương tiện vận tải	19.251.204.477	8.803.237.205	10.447.967.272
4. Thiết bị dụng cụ quản lý	32.034.515.023	5.356.221.878	26.678.293.145
5. Tài sản khác	15.795.827.948	2.491.945.513	13.303.882.435
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH</b>	<b>770.105.114</b>	<b>359.388.444</b>	<b>410.716.670</b>
1. Bản quyền, bằng sáng chế	80.000.000	32.329.746	47.670.254
2. Phần mềm máy vi tính	690.105.114	327.058.698	410.716.670
<b>C. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG</b>	<b>3.708.013.599</b>	<b>-</b>	<b>3.708.013.599</b>

- Nhà máy chính: Nhà máy vận hành sản xuất Đạm Cà Mau
- Nhà cửa, vật kiến trúc: Chủ yếu là văn phòng làm việc của công ty, nhà kho chứa vật liệu, thành phẩm, cầu cảng.
- Máy móc thiết bị: Chủ yếu là các máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất, đóng gói, thiết bị hỗ trợ vận hành nhà máy chính.
- Phương tiện vận tải: Bao gồm các xe ô tô con, phương tiện di chuyển phục vụ công tác và các loại xe tải phục vụ sản xuất.
- Thiết bị quản lý: Chủ yếu phục vụ cho công tác văn phòng.

## 6.2. Tình hình quản lý và sử dụng nhà đất

Theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp PVCFC, tính đến thời điểm 31/12/2013, PVCFC đang quản lý và sử dụng 994.767,3 m<sup>2</sup> đất, cụ thể như sau:

Thông kê tình hình sử dụng đất đai của PVCFC:

Đơn vị: m<sup>2</sup>

STT	Tên dự án	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa điểm	Tình trạng giấy tờ đất /Dự kiến làm thủ tục về đất
1	Khu đất xây dựng nhà máy Đạm	592.249,9	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 21/7/2011
2	Khu Cảng Đạm Cà Mau	132.152,8	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 06/2/2012
3	Khu nhà ở giai đoạn 3	104.292,5	Lô D, khu công nghiệp phường 1, Ngõ Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau giao đất có thu tiền sử dụng đất (thời hạn 20 năm) sử dụng làm đất ở tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/6/2014; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 06/6/2014
4	Khu đất trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	13.966,1	Lô D, khu công nghiệp phường 1, đường Ngõ Quyền, phường 1, TP.Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê sử dụng làm trụ sở Công ty tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/6/2014
5	Khu đất mở rộng Khu công nghiệp Khí – Điện – Đạm	152.106	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê sử dụng làm trụ sở Công ty tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/6/2014
<b>Tổng diện tích</b>		<b>994.767,30</b>		

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PVCFC

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/06/2014 về việc phê duyệt Phương án sử dụng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau khi chuyển sang công ty cổ phần.

## 7. Danh sách chi nhánh, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của tổ chức phát hành

### 7.1. Danh sách các chi nhánh và đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của PVCFC

Đến tháng 10/2014, PVCFC không có chi nhánh và đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

### 7.2. Danh sách công ty mà PVCFC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp PVCFC ngày 31/12/2013 để cổ phần hóa, PVCFC đang sở hữu vốn tại Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) với tỷ lệ 77,03%.

Công ty đã hoàn tất việc chào bán bớt phần vốn sở hữu tại Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam xuống chỉ còn 51% từ tháng 8/2014, (thông qua việc đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh). Giá đấu giá thành công bình quân là 11.579 đồng/cổ phần.

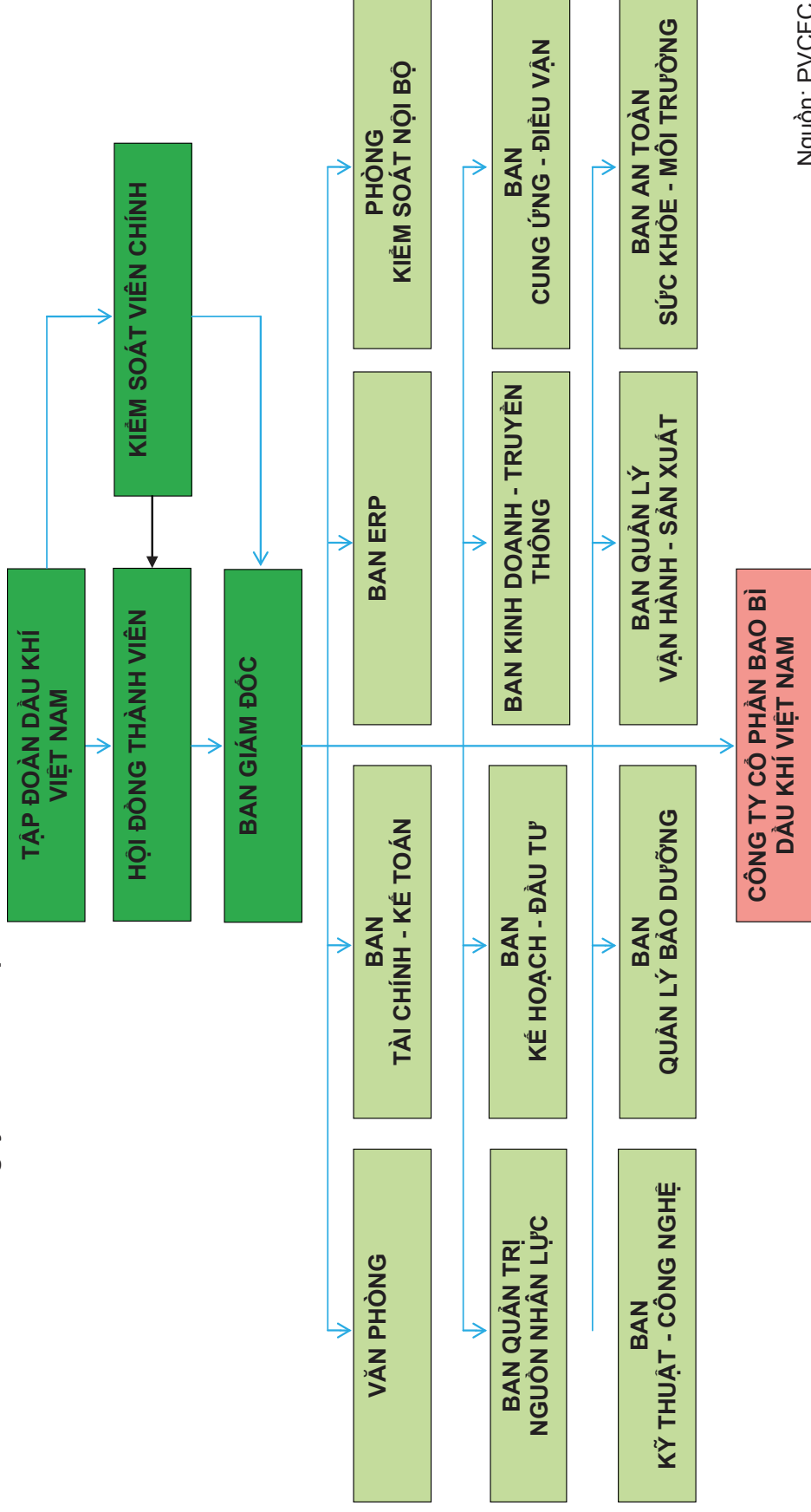
STT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn của PVCFC	Trụ sở chính của công ty
1	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	32.650.000.000	51%	Lô A1-3 Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

### 7.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Đến tháng 10/2014, PVCFC không có các công ty liên doanh liên kết.

## 8. Sơ đồ tổ chức của Công ty

### 8.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa



Nguồn: PVCFC

Trang 18

Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI)

Trụ sở: Số 18, Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Chính hành TP. HCM: 24 -26, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. HCM  
 Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 3, 53 Lê Hồng Phong, Q.Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
 Chi nhánh Vũng Tàu: Tầng 5, 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: (04) 3934 3888

Điện thoại: (08)3914 6789

Điện thoại: (0511) 389 9338

Điện thoại: (064) 36254522/26

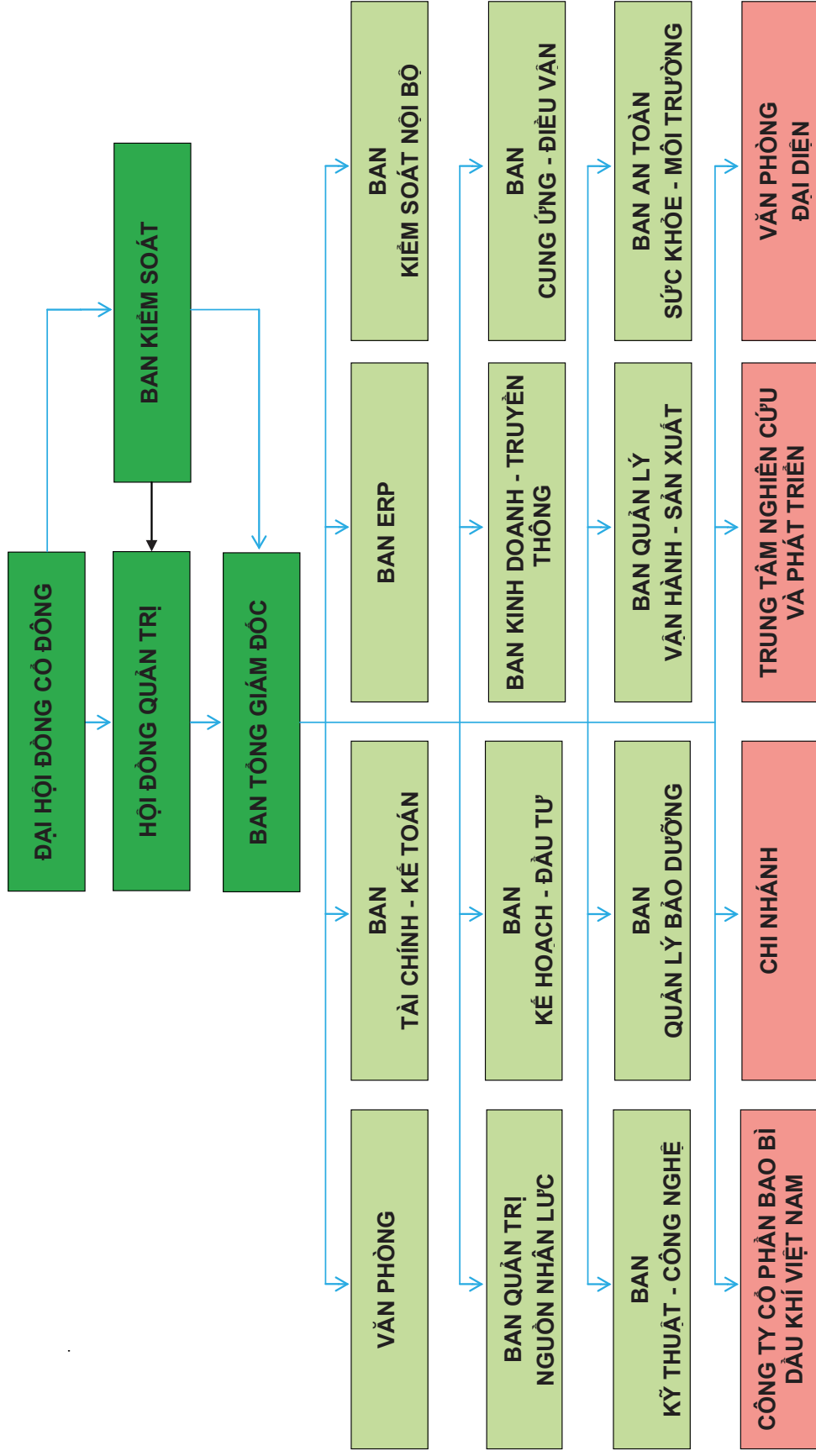
Fax: (04) 3934 3999

Fax: (08) 3914 6969

Fax: (0511) 3899339

Fax: (064) 36254562

8.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty dự kiến sau khi cổ phần hóa



Cơ cấu tổ chức và quy mô các đơn vị nêu trên sẽ được điều chỉnh theo yêu cầu và thực tế công việc

Nguồn: PVCFC

## **9. Danh sách ban lãnh đạo Công ty**

### **9.1. Danh sách Hội đồng thành viên**

- a. Ông Nguyễn Đức Thành – Chủ tịch Hội đồng thành viên
- b. Ông Bùi Minh Tiến – Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
- c. Ông Nguyễn Đức Hạnh – Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc

### **9.2. Kiểm soát viên chính.**

- a. Ông Trần Chí Nguyễn – Kiểm soát viên chính.

### **9.3. Danh sách Ban Tổng Giám đốc**

- a. Ông Bùi Minh Tiến – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- b. Ông Nguyễn Đức Hạnh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
- c. Ông Văn Tiến Thanh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Đạm Cà Mau.
- d. Ông Hoàng Trọng Dũng – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.
- e. Ông Lê Ngọc Minh Trí – Kế toán trưởng.



• **Ông Nguyễn Đức Thành**

Chủ tịch Hội đồng thành viên

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ quản lý dự án
- Kỹ sư Xây dựng
- Cử Nhân Quản lý Công nghiệp.
- Chuyên viên cao cấp về quản lý nhà nước



**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1981-1984: Chuyên viên Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu.
- 1984-1994: Đội trưởng Đội xây dựng – Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu.
- 1994-2000: Phó Giám đốc Công ty Khí đốt – nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam – PV GAS.
- 2000-2001: Trưởng ban Quản lý Dự án Tổng kho Khí hóa Lỏng – LPG Hải Phòng.
- 2001-2007: Phó ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau – CPMB.
- 2007-2008: Trưởng ban Quản lý Dự án điện lực Dầu khí Nhơn Trạch – Đồng Nai.
- 2008-2009: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Tư vấn Dự án Điện lực dầu khí 2.
- 2009-2011: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
- 2011- nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

- **Ông Bùi Minh Tiến**

Thành viên Hội đồng thành viên  
kiêm Tổng Giám đốc Công ty



**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Vật lý, Cử nhân Kinh tế,
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1991-1995: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kỹ thuật, Xí nghiệp Liên hợp Xây Lắp Dầu khí (nay là Tổng công ty Xây lắp Dầu khí).
- 1995-1996: Phó phòng Tổ chức - Hành chính, Xí nghiệp Thiết kế, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty Xây lắp Dầu khí).
- 1996-1998: Thư ký Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- 1998-2002: Trưởng phòng Kế hoạch - Thương mại, Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí.
- 2002-2011: Công tác tại Tổng công ty Khí Việt Nam qua các vị trí: Phó phòng kinh doanh, Trưởng phòng kinh doanh (từ 2003) và Phó Tổng giám đốc (từ 2007).
- 1/2011-12/2013: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo).
- 2013 – nay: Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

- **Ông Nguyễn Đức Hạnh**

Thành viên Hội đồng thành viên  
kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty



**Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư kinh tế năng lượng

**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1995-1998: Tham gia lao động sản xuất tại địa phương.
- 1998-1999: Trợ giảng tại Khoa Hành chính Doanh nghiệp – Học viện Hành chính Quốc gia.
- 1999-2004: Chuyên viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật, Phòng Dự toán – Thanh toán, Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí.
- 2004-2005: Chuyên viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.
- 2005-2007: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.
- 2007-2012: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.
- 1/2012-12/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bố Dầu khí Cà Mau.
- 12/2012 – 6/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, Chủ tịch Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) Công ty Cổ phần bao bì Dầu khí Việt Nam.
- 6/2014–nay: Thành viên Hội đồng thành viên (kiêm nhiệm), Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị (kiêm nhiệm) Công ty Cổ phần bao bì Dầu khí Việt Nam.

- Ông Văn Tiến Thanh

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Nhà máy Đạm Cà Mau

**Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư cơ khí.



**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1994-1998: Làm việc tại Công ty TNHH XD Công nghiệp Tấn Phát, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
- 1998-1/2001: Làm việc tại Xí nghiệp thiết kế thuộc Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí.
- 1/2001- 4/2001: Làm việc tại Công ty TNHH Dịch vụ Công nông nghiệp MM, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
- 4/2001-2005: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kỹ thuật Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- 2005-2006: Phó trưởng phòng Dự án Đạm, Ban Quản lý Dự án cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau.
- 2007-2008: Phó Ban chuyên trách Ban chuẩn bị đầu tư dự án Maroc thuộc Tổng công ty Phân bón Hóa chất Dầu khí.
- 2008-2011: Phó trưởng Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- 2011- nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau kiêm Phó trưởng Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau.

- **Ông Hoàng Trọng Dũng**

Phó Tổng giám đốc Công ty

phụ trách kinh doanh

**Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư Công nghệ
- Thạc sỹ QL Kinh tế



**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1997- 2001: Kỹ sư vận hành, Trưởng ca Vận hành, Thư ký Phó Giám đốc Công ty chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí.
- 05/2001-12/2005: Tổ trưởng Tổ Công nghệ, Phó phòng phụ trách phòng Nghiệm thu chạy thử Ban Quản lý Dự án Đạm Phú Mỹ.
- 12/2005-2/2008: Chuyên viên ban Chế biến Dầu khí – Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam.
- 2/2008-3/2011: Phó Trưởng ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
- 3/2011- nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau kiêm Phó Trưởng ban Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.

- **Ông Trần Chí Nguyễn**

Kiểm soát viên chính

**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế.



**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1998-2008: Kế toán Phòng Tài chính Kế toán, Bưu điện tỉnh Cà Mau
- 2008- 2009 Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau
- 2010 - 2011: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau
- 2011- nay : Kiểm soát viên chính Công Ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau

- Ông Lê Ngọc Minh Trí

Kế toán trưởng Công ty

**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế

**Kinh nghiệm và thời gian công tác:**

- 1995-1997: Kế toán Tổng Công ty Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- 1998-2001: Kế toán Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí tại TPHCM.
- 2001-2006: Kế toán Ban Quản lý dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- 2006-2011: Kế toán trưởng Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- 2011-nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau kiêm Kế toán trưởng Ban Quản lý Dự án cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau



## 10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

### 10.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau tiền thân là Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sở hữu 100% vốn được thành lập theo Quyết định số 474/QĐ-HĐTV ngày 09/03/2011 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sau khi được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, là dự án trọng điểm quốc gia về dầu khí được Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, thuộc cụm dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau, đặt tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đưa sản phẩm Đạm Cà Mau ra thị trường. Nhà máy Đạm Cà Mau với công suất 800.000 tấn/năm, cùng với các nhà máy phân đạm khác trong cả nước đã góp phần thay đổi, chuyển dịch cơ cấu phân đạm trong nước, từ nước chủ yếu nhập khẩu phân bón, tiến tới giảm dần nhập khẩu và từng bước chuyển sang nước xuất khẩu phân bón, góp phần quan trọng vào việc thực hiện chủ trương chính sách an ninh lương thực của Đảng và Nhà nước.

Cùng với Đạm Phú Mỹ, Nhà máy đạm Cà Mau đã nâng sản lượng đạm do PVN sản xuất đạt 1,6 triệu tấn/năm, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu phân đạm trong nước, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm cân đối cung - cầu, bình ổn giá phân bón và an ninh lương thực quốc gia, đồng thời tham gia thị trường xuất khẩu. Trong giai đoạn đầu, nhà máy Đạm Cà Mau tập trung đáp ứng nhu cầu phân đạm của thị trường tiêu thụ nội địa, đặc biệt tại địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long - vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo và tiêu thụ phân bón lớn nhất trong cả nước.

Với lợi thế là sản phẩm urê hạt đục - lần đầu tiên sản xuất tại Việt Nam, có nhiều ưu điểm vượt trội như hạt to tròn đều, ít bụi, phân giải chậm, giúp cây xanh bền, tiết kiệm phân và dễ phối trộn với các loại phân bón khác để bón kết hợp, cùng với lợi thế được kế thừa thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chính sách kinh doanh hợp lý, thương hiệu **Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng** đang ngày càng được nhiều người biết đến và được bà con nông dân tin dùng.

Kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, PVCFC đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận, tích cực đầu tư và tham gia các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình vì cộng đồng.

Với việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Petrosetco (tháng 10/2012) và PVFCCo (tháng 6/2013) tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC), PVCFC nắm giữ 77,03% vốn điều lệ tại PPC. Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Khí Việt Nam là đơn vị điều hành và quản lý nhà máy sản xuất Bao bì tại Bạc Liêu PPC với chức năng



kinh doanh chính là sản xuất bao bì nhằm đáp ứng nhu cầu bao bì đóng gói sản phẩm cho Nhà máy Đạm Cà Mau và các khách hàng trong khu vực.

Ngày 11/3/2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.



## 10.2. Các thành tích của PVCFC:

Tháng 7/2013: Nhà máy đạt mốc 1 triệu tấn, chính thức đánh dấu sự trưởng thành của Nhà máy Đạm Cà Mau vào ngành sản xuất phân bón nước nhà, góp phần bình ổn thị trường phân bón và sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Tháng 7/2013, PVCFC cử 4 chuyên gia của nhà máy Đạm Cà Mau sang hỗ trợ vận hành công nghệ tạo hạt tại Venezuela với nhà bản quyền ToYo đến từ Nhật Bản và trở thành một trong những đơn vị thành viên trực thuộc PVN đi tiên phong về xuất khẩu chuyên gia ra nước ngoài.

Ngày 02/09/2013, tại lễ trao giải Sao Vàng Đất Việt năm 2013, Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam đã trao giải Sao vàng Đã Viê cho PVCFC. Nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt là một vinh dự đối với các doanh nghiệp vì sự phát triển, tiến bộ vượt bậc và sự cống hiến cho sự phát triển kinh tế đất nước.

Ngày 12/9/2013, PVCFC đón nhận chứng chỉ quản lý tích hợp theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008; 14001:2004 và chứng nhận OHSAS 18001:2007 cho Hệ thống An toàn và sức khỏe nghề nghiệp do tổ chức đánh giá chứng nhận Quốc tế DNV cấp.

Ngày 3/4/2014, PVCFC đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững với CTCP bảo vệ thực vật An Giang nhằm đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa thế mạnh của 2 đơn vị, củng cố hệ thống phân phối, gia tăng giá trị sản phẩm, phục vụ tốt hơn nữa bà con nông dân phù hợp với chủ trương liên kết theo mô hình “bốn nhà” của Chính Phủ.

Liên tiếp 02 năm liền (2013 – 2014), PVCFC được vinh dự trao nhận giải thưởng “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội (ASXH) và phát triển cộng đồng” do Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trao tặng cho 50 đơn vị xuất sắc nhất trong số 1.000 đơn vị tiêu biểu được lựa chọn.

Ngày 26/04/2014, PVCFC được vinh dự trao nhận bằng khen từ UBND tỉnh Cà Mau về những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập thành phố Cà Mau.

Ngày 17/5/2014, PVCFC đã vinh dự đoạt doanh hiệu “Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2013” do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức.

### 10.3. Tình hình hoạt động kinh doanh của PVCFC giai đoạn 2012 đến nay

#### 10.3.1. Tình hình hoạt động sản xuất

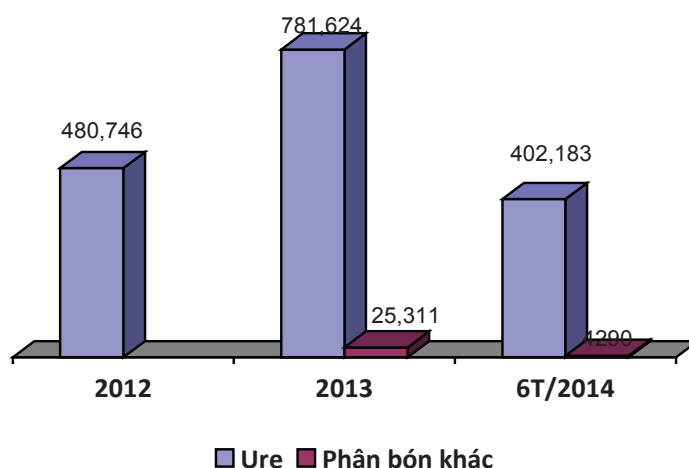
Tổng hợp các kết quả sản xuất (sản lượng theo sản phẩm) của PVCFC trong giai đoạn 2012-2013 và 6 tháng đầu năm 2014 được thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	6T/2014
1	Sản phẩm Urê Đạm Cà Mau	Tấn	480.746	781.624	402.183

Nguồn: PVCFC

Sản lượng sản xuất các năm 2012, 2013 đều đạt kế hoạch hàng năm. Để đạt được kết quả này là nhờ vào việc Công ty đã hoàn toàn làm chủ trong vận hành sản xuất, luôn duy trì vận hành ổn định và an toàn ở mức trên 98-100% công suất thiết kế. Đến 6 tháng đầu năm 2014, sản lượng sản xuất đạt hơn 55% kế hoạch của năm 2014.

Biểu đồ sản lượng của PVCFC giai đoạn 2012 – 2013 và 6 tháng đầu năm 2014



#### 10.3.2. Nguồn nguyên vật liệu

##### a. Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

##### a.1. Nguyên liệu khí đầu vào

Hiện nay, nguyên liệu khí của PVCFC lấy từ nguồn tại mỏ PM3 thông qua đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau do Tổng Công ty Khí Việt Nam làm đại diện cho PVN ký hợp đồng bán cho PVCFC.

Giá khí bán cho PVCFC do Chính phủ quy định.

Khí PM3-Cà Mau được nhận từ 2 lô là PM3-CAA và 46-Cái Nước:

- Dự án đường ống dẫn khí PM3-Cà Mau là một phần của dự án cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau cung cấp khí thiên nhiên làm nhiên liệu cho Nhà máy Điện và Nhà máy Đạm Cà Mau. Đường ống dẫn khí bắt nguồn từ giàn Bunga Raya (BR-B) tại lô PM3 trong vùng thềm thuận thương mại giữa Việt Nam và Malaysia (CAA) thuộc vùng chõng lán biển giữa Việt Nam và Malaysia ở Vịnh Thái Lan với trữ lượng có thể được khai thác thương mại và quyền mua khí được chia đều 50:50 cho nước chủ nhà Việt Nam và Malaysia. Lượng khí bao tiêu cho mỗi năm Hợp đồng là 1,29 tỷ Sm<sup>3</sup> đến năm 2023 và có thể gia hạn cho giai đoạn tiếp theo theo sự thống nhất của hai nước Việt Nam và Malaysia.
- Dự án Lô 46 - Cái Nước thuộc phần biển ngoài khơi Việt Nam nhưng được chứng minh về mặt địa chất là một phần của mỏ Đông Bunga Kekwa (chiếm khoảng 25% trữ lượng khí của mỏ này) và PVN/PV GAS được quyền mua 100% sản lượng khí của Lô 46 - Cái Nước. Lượng khí bao tiêu cho mỗi năm Hợp đồng là 206 triệu Sm<sup>3</sup> đến năm 2023 và có thể gia hạn cho giai đoạn tiếp theo theo sự thống nhất của hai nước Việt Nam và Malaysia.

HÌNH HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ HIỆN TẠI CỦA VIỆT NAM



Ngoài ra, dự kiến các nguồn khí được thu gom từ các mỏ của Việt Nam, dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn được triển khai sẽ bổ sung cho nguồn khí đầu vào của PVCFC trong thời gian tới.

### **a.2. Nguồn điện, nước và nguyên liệu xúc tác khác**

Nguồn cấp điện cho nhà máy Đạm Cà Mau: Nguồn điện xoay chiều điện áp 20 Kv được cấp từ 2 đầu cực máy phát của 2 tổ máy phát tua bin khí GT21 và GT22 của nhà máy Điện Cà Mau 2.

Nguyên liệu xúc tác: hiện tại các nguyên liệu xúc tác phải sử dụng chủ yếu từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được. Các loại nguyên liệu xúc tác là từ bản quyền của Haldor Topsoe A/S; MDEA, Amerel của BASF South East Asia Pte Ltd và hóa chất đặc chủng Nalco được nhập khẩu và cung cấp bởi Công ty trong nước.

Hệ thống nước làm mát bao gồm 2 hệ thống: hệ thống làm mát bằng nước sông tuần hoàn (Sông Cái Tàu) và hệ thống làm mát bằng nước sạch tuần hoàn.

Với kinh nghiệm và uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân urê và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty luôn chủ động được nguồn hàng hóa nguyên vật liệu đầu vào phù hợp với yêu cầu mục đích kinh doanh của Công ty từ những đối tác cung cấp ổn định và đáng tin cậy.

### **b. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu lợi nhuận**

Với chi phí khí đầu vào chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản xuất là yếu tố sẽ ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm của Đạm Cà Mau, vì thế sự điều chỉnh trong chính sách giá khí sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả của PVCFC.

Giá khí đầu vào của PVCFC áp dụng trong năm 2014 căn cứ theo Công văn số 2175/VPCP-KTKH ngày 2/4/2014 của Văn phòng Chính phủ áp dụng cho PVCFC.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đảm bảo về giá khí cho PVCFC giai đoạn 2015 - 2018 để Công ty có tỷ suất lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân là 12%/năm từ hoạt động SXKD phân bón (thông qua Hợp đồng mua bán khí).

### **10.3.3. Tình hình hoạt động kinh doanh**

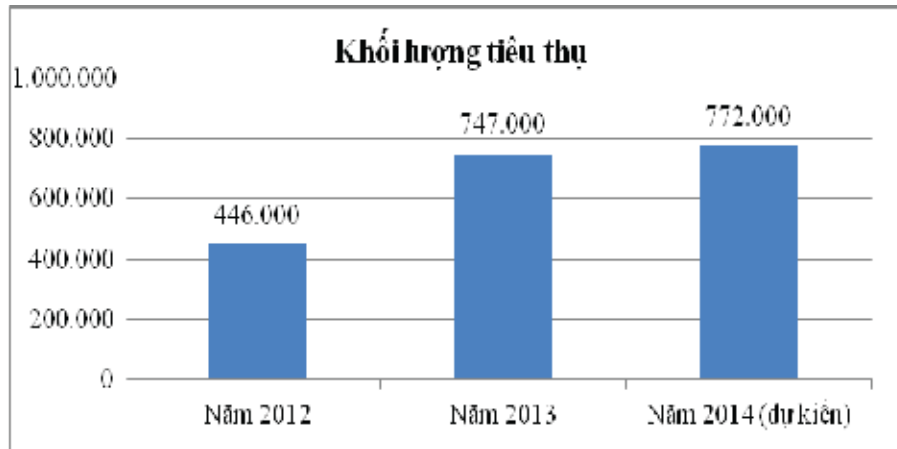
Sản phẩm Đạm Cà Mau chính thức ra đời và có mặt trên thị trường từ tháng 1/2012 và PVCFC trở thành nhà sản xuất, cung ứng phân bón urê hạt đục duy nhất tại Việt Nam. Kế thừa thương hiệu của PVN, sản phẩm Đạm Cà Mau có ưu thế về đặc tính sản phẩm chất lượng tốt do được sản xuất từ nguyên liệu khí tự nhiên, với công nghệ, thiết bị hiện đại, sản phẩm với nhiều tính năng nổi trội. Chỉ sau hơn 2 năm đi vào hoạt động, nhờ tập trung đẩy mạnh xây dựng, phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng, sản phẩm Đạm Cà Mau luôn được thị trường đón nhận một cách tích cực.



Đến nay, sản phẩm Đạm Cà Mau đã tạo dựng được vị thế vững chắc trong ngành phân bón và đã được những thành tựu nổi bật. Có được điều đó là do một số yếu tố cơ bản sau:

- Nhà máy Đạm Cà Mau với sản lượng sản xuất hàng năm đạt 800.000 tấn/năm, là một trong những đơn vị sản xuất urê lớn nhất Việt Nam, đáp ứng 40% nhu cầu phân đạm urêa trong cả nước.
- Sản phẩm Đạm Cà Mau hiện là sản phẩm đạm hạt đực duy nhất được sản xuất tại Việt Nam, sản phẩm có chất lượng cao, được sản xuất theo dây chuyền công nghệ tiên tiến hiện đại nhất thế giới, đã góp phần đa dạng hóa sản phẩm phân đạm sản xuất trong cả nước, giúp bà con nông dân có nhiều lựa chọn trong việc sử dụng bón phân phù hợp với thói quen canh tác và từng vùng thổ nhưỡng để tăng năng suất cây trồng.
- Hệ thống phân phối của Công ty thông qua các đại lý cấp 1 có tiềm lực tài chính mạnh, nhiều uy tín, kinh nghiệm trong ngành kinh doanh phân bón với mạng lưới phân phối rộng khắp các thị trường khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên, miền Bắc. Từ 02 thị trường chính là Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, đến nay Đạm Cà Mau đã có mặt trên toàn quốc và mở rộng sang các thị trường khu vực Châu Á. PVCFC đã tổ chức tốt công tác giao nhận, vận chuyển và tổ chức tiêu thụ sản phẩm kịp thời thông qua hệ thống phân phối đến người tiêu dùng góp phần phục vụ đắc lực cho công tác sản xuất nông nghiệp nước nhà.
- Đạm Cà Mau ra đời góp phần thay đổi, chuyển dịch cơ cấu phân đạm trong nước, từ nước chủ yếu tiến tới giảm dần nhập khẩu và từng bước chuyển sang nước xuất khẩu phân bón, góp phần quan trọng thực hiện thành công chủ trương chính sách an ninh lương thực của Đảng và Nhà nước.

Biểu đồ khối lượng tiêu thụ Đạm Cà Mau giai đoạn 2012-2013 và dự kiến 2014



Nguồn: PVCFC tổng hợp

#### 10.3.4. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của PVCFC:

Căn cứ vào năng lực sản xuất thực tế của Nhà máy Đạm Cà Mau và nhu cầu tiêu thụ ở các khu vực gắn với bối cảnh thị trường như: cung cầu, mùa vụ, giá cả trong nước và thế giới, PVCFC xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh hợp lý trong từng thời kỳ ở các thị trường, khu vực trong nước và quốc tế.

Theo chiến lược phát triển kinh doanh, thị trường mục tiêu chính của PVCFC gồm Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Campuchia. Đây là các thị trường có nhiều tiềm năng phát triển do quy mô diện tích trồng trọt của vùng rộng lớn; địa hình chủ yếu là đồng bằng, khí hậu thuận lợi cho canh tác, phát triển nông nghiệp phục vụ nhu cầu trong nước và đặc biệt xuất khẩu những mặt hàng nông sản có giá trị cao; khoảng cách địa lý từ Nhà máy Đạm Cà Mau đến các vùng tiêu thụ trên khá gần so với các thị trường khác. Điểm nổi bật cần lưu ý là nhu cầu ure của 3 thị trường trên có quy mô lớn, sức tiêu thụ ổn định. Những điều này giúp PVCFC phát huy tối đa thế mạnh so với đối thủ, nhất là điều kiện địa lý, giảm thiểu chi phí logistic, duy trì giá bán hợp lý nhằm cạnh tranh vượt trội so với đối thủ trên thị trường.

Thị trường Tây Nam Bộ với 4,1 triệu ha đất trồng lúa được coi là thị trường tiêu thụ phân bón lớn nhất cả nước, nhu cầu ure hàng năm khoảng 700.000 tấn, chiếm 1/3 nhu cầu ure cả nước. Thị phần Đạm Cà Mau tại thị trường này liên tục được cải thiện và có bước tiến bộ vượt bậc: năm 2012, thị phần đạt 30%, năm 2013 đạt 45% và dự kiến năm 2014 đạt 55%.

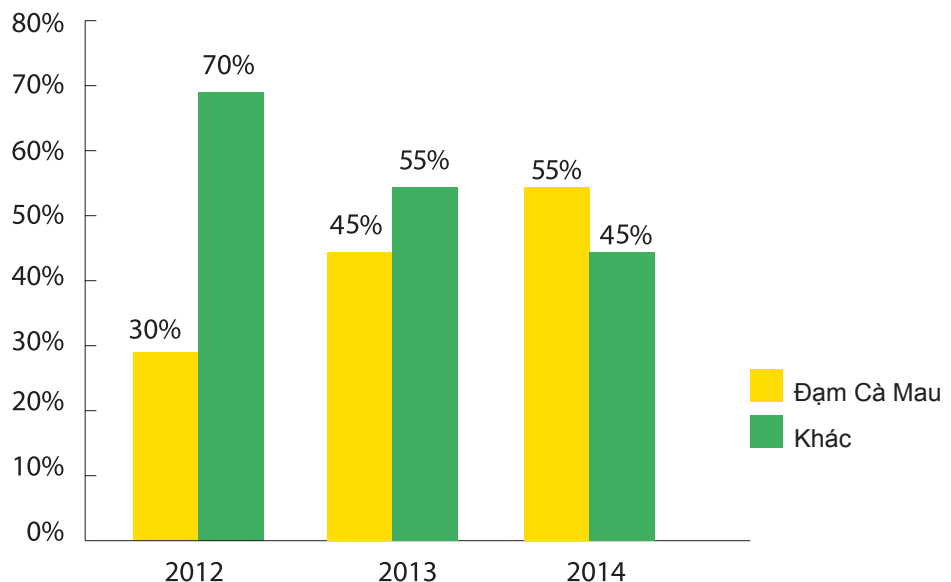
Thị trường Đông Nam Bộ chủ yếu tập trung sản xuất, trồng trọt các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều là mặt hàng xuất khẩu chủ lực nên nhu cầu tiêu thụ ure lớn, với mức tiêu thụ hàng năm khoảng 400.000 - 420.000 tấn, chiếm 25% nhu cầu ure cả nước. Tại thị trường này, dù gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh so với sản phẩm khác nhưng thị phần Đạm Cà Mau cũng được cải thiện hàng năm, theo đó,

năm 2012, thị phần Đạm Cà Mau đạt 10%, năm 2013 đạt 19% và dự kiến năm 2014 đạt 25%.

Thị trường Campuchia nằm tiếp giáp với khu vực ĐBSCL và có tập quán canh tác chủ yếu sử dụng urê hạt đục (tỷ lệ đạt 95%) là thị trường quan trọng của PVCFC với nhu cầu tiêu thụ urê khoảng 250.000-280.000 tấn/năm. Việc tiêu thụ Đạm Cà Mau được triển khai thông qua hình thức xuất khẩu trực tiếp cho các đại lý. Theo đó, năm 2012, thị phần Đạm Cà Mau đạt 10%, năm 2013 đạt 30% và dự kiến năm 2014 đạt 35%. Với chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp, nhất là mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo vào năm 2015 của chính phủ Campuchia nên dự báo nhu cầu tiêu thụ urê của nước này trong vòng 5 năm tới sẽ tăng mạnh đạt khoảng 400.000-450.000 tấn/năm do diện tích đất trồng trọt được mở rộng; số vụ canh tác tăng lên và tiếp thu kỹ thuật bón phân của nông dân làm cho việc sử dụng phân bón nhiều hơn so với giai đoạn trước đó.

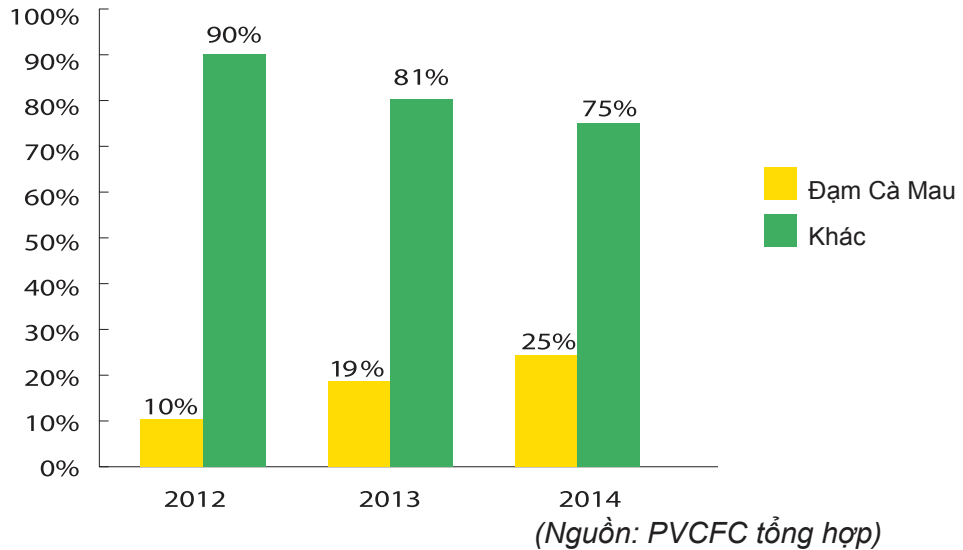
Trong giai đoạn 2012-2013 và năm 2014 (dự kiến), sản lượng Đạm Cà Mau liên tục gia tăng thể hiện bước tiến vượt bậc của PVCFC trong việc cải thiện vị thế trong ngành, theo đó, năm 2012, tổng khối lượng tiêu thụ đạt 444.000 tấn; năm 2013 đạt 747.000 tấn và 06 tháng đầu năm đạt hơn 390.000 tấn, dự kiến cuối năm 2014 đạt 772.000 tấn.

Biểu đồ thị phần PVCFC tại Tây Nam Bộ giai đoạn 2012 - 2013 và dự kiến 2014

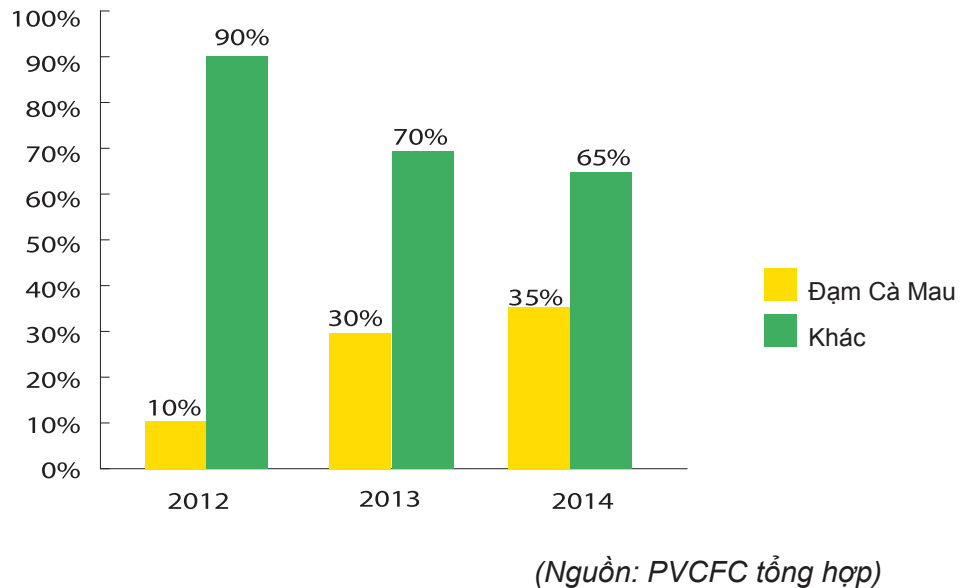


(Nguồn: PVCFC tổng hợp)

Biểu đồ thị phần PVCFC tại Đông Nam Bộ giai đoạn 2012-2013 và dự kiến 2014



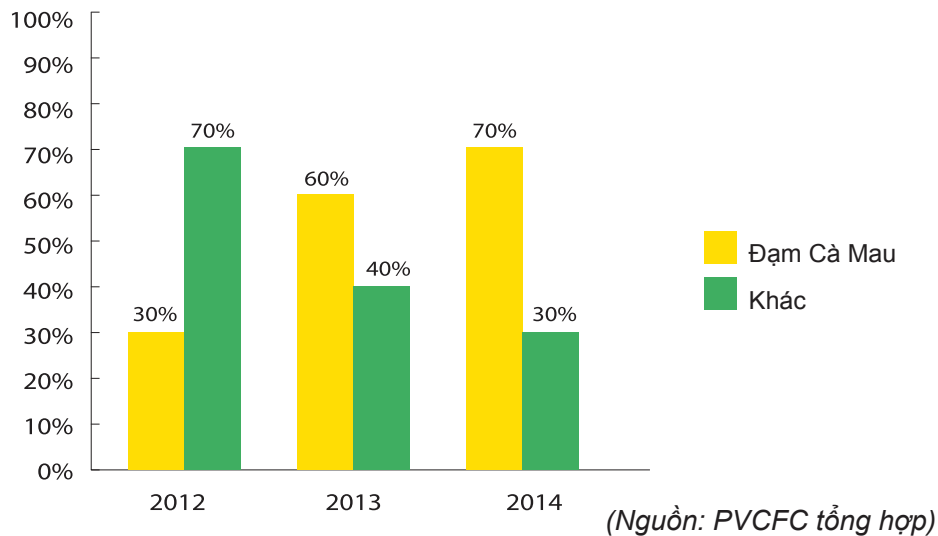
Biểu đồ thị phần Đạm Cà Mau tại Campuchia giai đoạn 2012-2013 và dự kiến 2014



Ngoài 03 thị trường mục tiêu trên, sản phẩm Đạm Cà Mau còn được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy NPK chủ yếu ở miền Nam do sản phẩm đạm hạt đực rất phù hợp với phối trộn sản xuất NPK. Nhu cầu sử dụng urê hạt đực của các nhà máy NPK đạt 250.000 - 280.000 tấn/năm, trong đó tỷ lệ tiêu thụ Đạm Cà Mau chiếm 70-75%. Trong số các nhà máy NPK tiêu biểu sử dụng sản phẩm Đạm Cà Mau có Công ty phân bón Bình Điền; Công ty phân bón Miền Nam; Công ty phân bón Việt Nhật; Công ty phân bón Ba Con Cò.



Biểu đồ thị phần Đạm Cà Mau của nhà máy NPK 2012-2013 và dự kiến 2014



Để chủ động cân đối trong hoạt động SXKD, PVCFC đang triển khai mở rộng, phát triển các thị trường khác ở trong nước như miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Về thị trường xuất khẩu, khối lượng tiêu thụ năm 2013 đạt 74.000 tấn, chiếm 10% tỷ trọng tiêu thụ cả năm. Theo kế hoạch năm 2014, PVCFC sẽ xuất khẩu 100.000 tấn, chiếm 13% tỷ trọng tiêu thụ cả năm. Hiện nay, sản phẩm Đạm Cà Mau đã có mặt ở nhiều nước trong khu vực như Campuchia, Thái Lan, Bangladesh, Hàn Quốc và Philippines.



Nhằm nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh trên thị trường và không ngừng cải thiện vị thế trong ngành SXKD phân bón, PVCFC định hướng tiếp tục phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm mới trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Nhà máy Đạm Cà Mau sử dụng Đạm Cà Mau làm nguyên liệu đầu vào sản xuất sản phẩm mới có giá trị gia tăng, cung cấp nhiều dinh dưỡng cho cây trồng như: phân Urê + TE, phân hữu cơ vi sinh, phân viên nén, phân bón phức hợp ...

Từ khi đổi mới, để tăng năng suất cây trồng người nông dân đã có phần lạm dụng phân hoá học, tuy nhiên, để cây trồng phát triển thì đất canh tác cần có thêm các thành phần hữu cơ, vi sinh... Sản phẩm mới của PVCFC sẽ bổ sung các thành phần này giúp hoàn trả lại các nguyên tố vi lượng trong đất canh tác đã bị lấy đi trước đây, đem lại sự

phát triển cho các loại cây trồng. Từ đó, thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển bền vững, giúp người nông dân gia tăng lợi nhuận, yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất nông nghiệp, thực hiện chính sách kết hợp bốn nhà: “nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà kinh doanh” và chính sách tam nông: “nông nghiệp, nông dân và nông thôn”, đúng với chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Chính phủ.

### 10.3.5. Chỉ tiêu doanh thu

Tổng doanh thu lũy kế 2 năm 2012-2013 là 10.333 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	%DTT	2013	%DTT	6T/2014
1	Doanh thu thuần bán hàng	4.076.182	100,00%	6.257.132	99,96%	3.027.265
	<i>Urê Đạm Cà Mau</i>	3.949.139	65,09%	5.943.202	94,98%	2.943.261
	<i>Ammonia</i>	57.285	0,91%	118.614	1,90%	37.975
	<i>Kinh doanh sản phẩm phân bón khác</i>	69.758	1,11%	195.316	3,12%	46.029
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	2.503	0,04%	0
3	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.076.182</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.259.634</b>	<b>100%</b>	<b>3.027.265</b>

Nguồn: PVCFC

### 10.3.6. Chỉ tiêu chi phí

Tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh của PVCFC giai đoạn 2012-2013 và 6 tháng đầu năm 2014 được trình bày trong bảng sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	%DT	2013	%DT	6T/2014
1	Giá vốn hàng bán	2.967.940	72,81%	5.082.871	80,50%	2.315.364
	<i>Khí đầu vào</i>	1.591.638	39,05%	2.539.450	40,57%	818.062
	<i>Khấu hao sản xuất</i>	895.135	21,08%	1.319.306	21,08%	717.686
	<i>Chi phí khác (*)</i>	517.167	12,69%	1.224.115	19,56%	787.816
2	Chi phí bán hàng	42.651	1,05%	136.892	2,17%	86.481
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.677	1,86%	99.694	1,58%	44.377
4	Chi phí tài chính	291.723	7,16%	579.407	9,26%	288.817

Nguồn: PVCFC

(\*) Chi phí khác bao gồm các loại chi phí điện, nước, chất xúc tác...

**Giá vốn hàng bán của các sản phẩm và dịch vụ**

Giá vốn năm 2012 từ 72,8% lên 80,5% năm 2013 là do một số nguyên nhân như: giá urê năm 2012 giảm từ 8.500 đồng/kg xuống còn 8.000 đồng/kg trong năm 2013, chi phí hóa chất tăng mạnh (năm 2013 cao hơn 93 tỷ so với 2012), năm 2013 phải hạch toán khoản mục chi phí phân bổ vật tư dự phòng cho 02 năm vận hành, và các khoản chi phí khác như bảo hiểm phúc lợi, chi thường an toàn người lao động.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2012 tăng từ 1,05% lên 2,17% trong năm 2013 do một số nguyên nhân chính sau đây: năm 2012, PVCFC tập trung vào việc ổn định sản xuất và vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau an toàn, hiệu quả. Bước sang; năm 2013, PVCFC đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối, tăng cường đầu tư cho công tác xây dựng, phát triển thương hiệu để quảng bá sản phẩm trên thị trường tới khách hàng trên toàn quốc.

Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần của PVCFC năm 2012 là 1,86%, năm 2013 giảm xuống còn 1,58%.

**Chi phí tài chính**

Chi tiết các khoản mục trong chi phí tài chính của PVCFC trong giai đoạn 2012-2013 và 6 tháng đầu năm 2014 được trình bày trong bảng sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	6T/2014
1	Chi phí lãi vay	282.744	432.256	183.236
2	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	124.974	6.903
3	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.488	89.295
4	Chi phí bảo lãnh vay	5.599	19.924	9.383
5	Lỗ đầu tư vào công ty con	3.335	(3.335)	-
6	Chi phí HĐ tài chính khác	45	100	-

Nguồn: PVCFC

Khoản vay của PVCFC do PVN thực hiện ký hết Hợp đồng vay và Ủy quyền cho PVCFC thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ các hợp đồng vay:

- PVN ủy quyền cho PVCFC thực hiện quyền sử dụng vốn và tài sản được hình thành từ vốn có được từ hợp đồng vay.
- PVN ủy quyền cho PVCFC thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ của PVN trong hợp đồng vay và các nghĩa vụ khác bao gồm nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến hợp đồng vay (nếu có như thuế, phí...) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tình hình thực hiện các khoản vay:

- **Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn Tín dụng ECA giữa nhóm cho vay là các Ngân hàng BNP Parisbas, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole** ngày 5/9/2011 với gốc số vay là 220.000.000 USD. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nợ trong hạn là LIBOR 6 tháng cộng 2,6%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh nợ vay. Lãi vay được trả 6 tháng/lần.
- **Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ngày 25/9/2009 từ Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank)** với gốc số vay là 153.762.442 USD. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó ân hạn 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 90 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 3 tháng trả lãi sau của Vietinbank cộng 2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn cộng 1%/năm. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh nợ vay. Lãi vay được trả 3 tháng/lần.
- **Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ngày 17/06/2010 từ Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB)** với gốc số vay là 130.661.898 USD. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 60 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất vay là 6%/năm. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh nợ vay. Lãi suất nợ quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi trả chậm) là 150%/năm lãi suất nợ trong hạn. Từ tháng 01/2013 đến tháng 05/2014 hàng tháng công ty trả nợ gốc là 1.875.000 USD, trong tháng 05/2014 công ty đã đàm phán và trả nợ trước hạn 45.000.000 USD và kể từ tháng 05/2014 đến tháng 12/2017, hàng tháng đơn vị trả nợ gốc là 1.265.043,13 USD. Hiện khoản vay này đã hoàn thành các thủ tục để chuyển đổi tượng cho vay từ VDB sang Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVComBank) với mức lãi suất là 4,5%.

Phí bảo lãnh vay bằng 0,25%/năm tổng số dư nợ trong hạn của khoản vay Ngân hàng BNP Parisbas và Vietinbank.

### 10.3.7. Chỉ tiêu lợi nhuận và chỉ tiêu tài chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012-2013 và 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2012	% DTT	2013	% DTT	6T/2014
1	Doanh thu thuần	4.076.182	100%	6.259.634	100%	3.027.265
2	Lợi nhuận gộp	1,108,242	27,19%	1,176,763	18,80%	711.901
3	Chi phí HĐTC	291.723	7,16%	579.407	9,26%	288.817
4	Chi phí bán hàng	42.651	1,05%	136.892	2,17%	86.481
5	Chi phí QLDN	75.677	1,86%	99.694	1,58%	44.377
6	Lợi nhuận thuần	730.296	17,92%	488.744	7,81%	365.601
7	LN khác	6.375	0,16%	36.828	0,59%	37.981
8	LN trước thuế	736.671	18,70%	525.572	8,40%	403.581
9	Thuế TNDN	-	-	350	0%	110
10	LN sau thuế	736.671	18,70%	525.222	8,40%	403.471

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PVCFC*

Lợi nhuận năm 2013 giảm so với năm 2012 do một số nguyên nhân:

- Giá urê thế giới năm 2013 giảm mạnh so với giá năm 2012 nên ảnh hưởng trực tiếp đến giá urê trong nước, trong đó có Đạm Cà Mau.
- Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam của Công ty bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả lãi.
- Khoản chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ từ các tổ chức Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng Trung Quốc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mới ra đời và đi vào hoạt động chưa lâu, việc đạt được những kết quả trên vẫn đáng ghi nhận. Có được thành tựu đó là do một số yếu tố chính sau đây:

- Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau đảm bảo ổn định an toàn và hiệu quả: Nhà máy luôn vận hành an toàn, ổn định trên 98% công suất với sản lượng trung bình đạt 2.342 tấn urê/ngày, trong đó loại thương mại đạt trên 98%.
- Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tổ chức, quản lý, quản trị vận hành nhà máy và kinh doanh phân đạm tiết kiệm, hiệu quả.

- Chiến lược phát triển Công ty phù hợp với định hướng phát triển và Đề án tái cấu trúc Tập đoàn giai đoạn 2011-2015.
- Mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới phân phối ở các khu vực; hợp tác chặt chẽ với hệ thống đại lý triển khai tiêu thụ sản phẩm Đạm Cà Mau hiệu quả; Bên cạnh đó,
- Khai thác tối đa hệ thống cơ sở hạ tầng về kho bãi, dịch vụ logistic, hệ thống phân phối của các đơn vị ngành dầu khí.
- Thương hiệu “Đạm Cà Mau- Hạt Ngọc Mùa Vàng” đang dần trở thành một trong những thương hiệu có uy tín trên thị trường.

STT	Khoản mục	2012	2013
1	Tốc độ tăng trưởng doanh thu	-	53,6%
2	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-	-37,8%
3	ROA	5,0 %	3,7%
4	ROE	22,5%	15,3%
5	Nợ/vốn chủ sở hữu	353,4%	314,0%

Nguồn: PVCFC

### 10.3.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

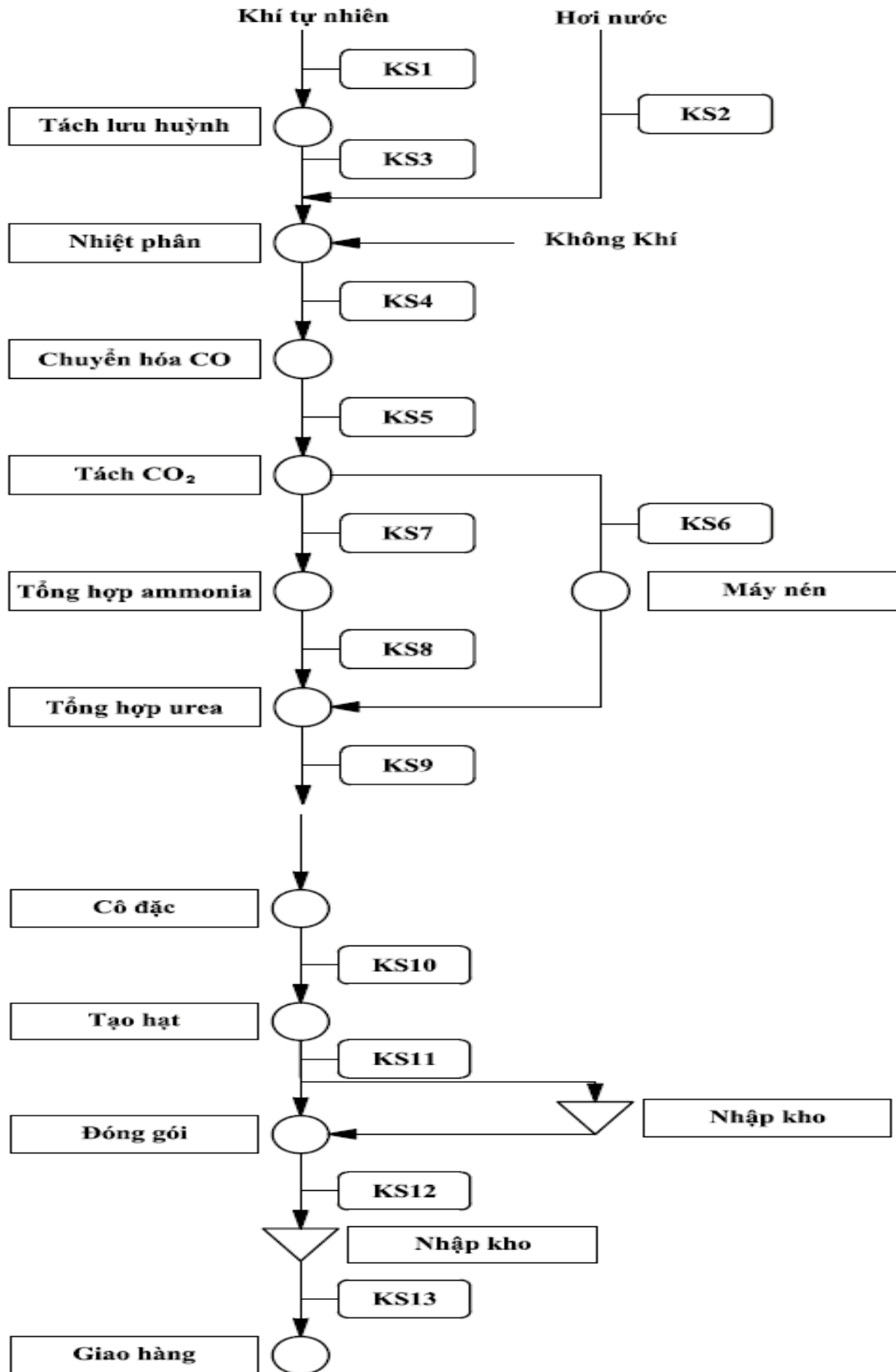
#### a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Hiện tại, Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 từ năm 2013. Bên cạnh đó, bộ phận thử nghiệm nhà máy đã được Văn phòng công nhận chất lượng Việt Nam (BoA) công nhận năng lực thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

Ngoài ra, Sản phẩm Đạm Cà Mau đã được công nhận là sản phẩm đảm bảo chất lượng năm 2013 bởi Viện Doanh Nghiệp Việt Nam - Hội Đồng Liên Minh Thương Mại.

#### b. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Kiểm tra chất lượng trên các công đoạn sản xuất thực hiện theo sơ đồ sau:



### **c. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm:**

Chất lượng sản phẩm là nhân tố quan trọng quyết định khả năng cạnh tranh đồng thời khẳng định uy tín và thương hiệu sản phẩm trên thị trường. Ngay từ khi đi vào hoạt động, PVCFC đã thành lập bộ phận Quản lý chất lượng sản phẩm trực thuộc Ban Kỹ thuật Công nghệ với nhiệm vụ kiểm nghiệm toàn bộ quá trình từ nguyên liệu đến bán thành phẩm, thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất và kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở đã công bố.

Bộ phận Quản lý chất lượng của công ty cũng chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình bảo đảm chất lượng của cả quá trình từ sản xuất, tồn trữ đến tiêu thụ, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Song song, nhiệm vụ chủ trì việc phối hợp với các bộ phận có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan như: kiểm nghiệm thiết bị; dụng cụ sản xuất và kiểm nghiệm; đánh giá nhà cung cấp; điều tra xử lý sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm; xem xét khiếu nại khách hàng.

### **10.3.9. Hoạt động Marketing**

#### **a. Quảng bá thương hiệu:**

Sau hơn 2 năm đi vào hoạt động, PVCFC đã xây dựng thương hiệu Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng là một trong những thương hiệu có uy tín trên thị trường, ngày càng được nhiều người biết đến và gắn gũi với bà con nông dân, với những hoạt động đã được triển khai như sau:

- Đồng hành cùng nông dân, PVCFC đã và đang hợp tác với đội ngũ các nhà khoa học đẩy mạnh công tác hội thảo/tọa đàm nhằm chuyển giao kỹ thuật canh tác, kiến thức về chăm sóc cây trồng, giúp người nông dân nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón trong canh tác.
- Tài trợ và tham gia chuỗi các hoạt động nhân dịp tổ chức sự kiện Diễn đàn hợp tác kinh tế vùng ĐBSCL (MDEC), sự kiện hội nghị triển lãm quốc tế chuyên ngành dầu khí (ASCOPE) lần thứ X; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Trái tim biển đảo...
- Phối hợp với Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ tổ chức cuộc thi Tiềm năng tài năng ngôi sao cải lương dành cho 13 tỉnh, thành khu vực ĐBSCL. Qua đó, Đạm Cà Mau thật sự trở thành người bạn đồng hành không chỉ trong sản xuất và còn trong cuộc sống với người dân Tây Nam bộ.
- Triển khai ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược vì sự phát triển nông nghiệp bền vững với CTCP Bảo vệ thực vật An Giang (AGPPS). Theo đó, PVCFC và AGPPS phối hợp đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm phân bón và các giải pháp về dinh dưỡng cho các loại cây trồng ở các vùng thổ nhưỡng khác nhau. Đối với người nông dân, hai bên sẽ cùng nhau đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật dưới mọi hình thức, chú trọng cung cấp các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiệu quả và toàn diện; hợp tác



- xây dựng chuỗi giá trị trong ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam thông qua triển khai chương trình cánh đồng lớn tại các tỉnh. Thỏa thuận hợp tác này sẽ góp phần thúc đẩy sự hợp tác, liên kết của các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp với mục tiêu nâng cao vị thế của người nông dân.
- Công tác ASXH được Công ty coi trọng và xem đây là mục tiêu gắn liền mục đích kinh doanh. Công ty đã và đang triển khai các chương trình ASXH như: xây dựng nhiều trường học để phát triển giáo dục; tập trung vào hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, người nghèo; xây dựng trung tâm y tế; tài trợ cho sinh viên học sinh nghèo học giỏi; góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí...
- Hai năm liên tiếp 2013 – 2014, PVCFC được vinh danh “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm ASXH và phát triển cộng đồng”.

#### **b. Hệ thống phân phối:**

Hệ thống phân phối của công ty được xây dựng theo mạng lưới phân phối, rộng khắp các thị trường khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên, miền Bắc, thông qua các đại lý cấp 1 với ba kênh chính là hệ thống đại lý, hệ thống các nhà sản xuất và xuất khẩu có sẵn cơ sở vật chất (hệ thống kho bãi, khu vực tiếp nhận dễ dàng, nhanh chóng, thuận tiện cho việc vận chuyển), có tiềm lực tài chính mạnh, nhiều uy tín, kinh nghiệm trong ngành kinh doanh phân bón.

Từ 02 thị trường chính là Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, đến nay thương hiệu Đạm Cà Mau đã có mặt trên toàn quốc và mở rộng sang các thị trường khu vực Châu Á. PVCFC đã tổ chức tốt công tác giao nhận, vận chuyển và tổ chức tiêu thụ sản phẩm kịp thời thông qua hệ thống phân phối đến người tiêu dùng góp phần phục vụ đắc lực cho công tác sản xuất nông nghiệp nước nhà.

#### **c. Chính sách giá bán sản phẩm:**

Công ty áp dụng chính sách giá bán phù hợp, linh hoạt, bám sát giá thị trường nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ và làm hài lòng khách hàng, bà con nông dân với mong muốn song hành với lợi ích cũng như khó khăn của nông dân.

Đặc biệt, PVCFC áp dụng chiết khấu thương mại đối với các Đại lý/Cửa hàng và nhà sản xuất NPK có ký hợp đồng mua bán sản phẩm Đạm Cà Mau dài hạn và đáp ứng các điều kiện quy định tại chính sách bán hàng của công ty.

#### **10.3.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo của Công ty:



Nhãn hiệu hàng hoá, nhận diện thương hiệu PVCFC đang được đăng ký vào sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia, sau khi được chấp thuận, biểu tượng đăng ký có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam và được bảo hộ tổng thể. Biểu tượng cây lúa vàng phát triển trên nền đất xanh trùng với màu của chữ Đạm Cà Mau tượng trưng cho sự so sánh ẩn dụ Sản phẩm Đạm Cà Mau là sản phẩm phân bón Urê chất lượng mang lại những mùa vàng tốt tươi.



Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu logo ĐẠM CÀ MAU - HẠT NGỌC MÙA VÀNG từ tháng 12/2013, chờ Cục Sở hữu Trí tuệ cấp trong thời gian tới.

Nhãn hiệu này cũng đã hoàn tất đăng ký tại nước ngoài tại Cambodia, Thailand trong năm 2013 và đầu năm 2014.

#### 10.3.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên đối tác	Sản phẩm /Dịch vụ	Giá trị	Thời gian ký kết
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu PVCFC)	Cung cấp Khí	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 5/2012
2	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Cung cấp Điện	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 3/2011
3	Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Khánh An	Cung cấp Nước	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 9/2012
4	Công ty Cấp nước và Công trình Đô thị Cà Mau	Cung cấp Nước	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 4/2012
5	Công ty Bảo Hiểm Dầu khí	Dịch vụ Bảo hiểm Vận hành Nhà máy		Tháng 2/2012
6	Tập đoàn TOYO	Cung cấp nhân sự hỗ trợ vận hành		Tháng 2/2012

Nguồn: PVCFC

#### 10.3.12. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước

Trong giai đoạn 2012-2013, PVCFC đã thực hiện nghiêm chỉnh, chấp hành tốt các quy định về luật thuế của Nhà nước. Tổng số thuế đã nộp của PVCFC trong năm

2013 là 1.764.508.857 đồng, tăng tương ứng 17% so năm 2012 là 1.504.171.354 đồng

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 4/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Đạm Cà Mau như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: được miễn thuế TNDN đến hết năm 2015, được áp dụng mức thuế TNDN là 5% từ năm 2016 đến 2024.
- Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, vật tư phương tiện vận tải hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2012	2013
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	13.996	-
2	Thuế thu nhập cá nhân	12.508	727
3	Thuế TNDN	297	53
4	Thuế tài nguyên	346	31
5	Thuế nhập khẩu	2.932	954
6	Thuế khác	127	-

Nguồn: PVCFC

### 10.3.13 Một số chỉ tiêu tổng hợp

Tổng hợp một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại PVCFC giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	2012	2013	6T/2014
1	Tổng tài sản	14.832.892	14.215.010	13.927.040
2	Nguồn vốn nhà nước	3.198.074	3.198.074	4.120.034 (*)
3	Nguồn vốn kinh doanh	14.832.892	14.215.010	13.927.040
4	Doanh thu thuần	4.076.182	6.259.634	3.027.265
5	Lợi nhuận trước thuế	736.671	525.572	403.581
6	Nộp ngân sách	34.619	30.205	8.614
7	Nợ phải trả	11.561.355	10.781.208	9.581.004

8	Nợ phải thu	11.771	43.166	111.647
9	Lao động (người)	724	784	806
10	Thu nhập (1.000 đồng/người/tháng)	19.740	19.970	19.250

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa PVCFC*

(\*) Nguồn vốn chủ sở hữu đã điều chỉnh theo Quyết định số 643/QĐ-DKVN ngày 25/1/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Phê duyệt cấp bổ sung Vốn đầu tư của PVN cho Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau thuộc Ban Quản lý Dự án cụm Khí-Điện-Đạm Cà Mau và điều chỉnh tăng Vốn điều lệ của PVCFC.

#### **10.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

##### **10.4.1. Thuận lợi:**

PVCFC luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ Tập đoàn, các đơn vị thành viên trong ngành và các bộ ngành Trung ương, chính quyền địa phương.

Nhà máy Đạm Cà Mau có thế mạnh về vị trí địa chiến lược của cụm Tây Nam bộ, thuận tiện cho việc phân phối sản phẩm tại khu vực vùng ĐBSCL; cùng với sản lượng 800 nghìn tấn ure/năm, PVCFC đã đáp ứng 40% nhu cầu phân đạm trong nước.

Sản phẩm Đạm Cà Mau hiện là sản phẩm đạm hạt đục duy nhất được sản xuất tại Việt Nam, với nhiều ưu điểm như dễ phối trộn với các loại phân bón khác để bón kết hợp, dễ bảo quản, ít gây bụi,... được bà con nông dân tin tưởng đón nhận, sử dụng qua đó tạo lợi thế quảng bá thương hiệu của công ty.

Nguồn cung cấp khí và điện ổn định từ đường ống dẫn Khí PM3, Nhà máy Điện Cà Mau - PV Power CM.

Chủ động trong cung cấp bao bì được sản xuất bởi công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Công ty con PVCFC.

Có nguồn nhân lực trẻ, có trình độ và được đào tạo khá bài bản từ những nhà máy tương tự, Lãnh đạo công ty luôn chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Công ty ra đời sau, tận dụng các kinh nghiệm của các công ty đi trước để phát triển thương hiệu và hệ thống phân phối, quản trị công ty. Do mới được thành lập nên dễ dàng hơn trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức, áp dụng phương thức quản lý hiện đại.

Sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự đoàn kết thống nhất cao của toàn thể CBCNV, người lao động trong công ty.

#### 10.4.2. Khó khăn:

Môi trường kinh doanh diễn biến phức tạp, khó dự báo.

Tình trạng phân bón giả, kém chất lượng, giá rẻ vẫn liên tục xuất hiện, với biện pháp chế tài chưa đủ sức răn đe gây tác hại đến khả năng cạnh tranh của các sản phẩm phân bón có uy tín nói chung và Đạm Cà Mau nói riêng.

Công ty đã đề ra một số giải pháp để khắc phục khó khăn này: kết hợp với các đơn vị để hình thành nên chuỗi giá trị sản phẩm, góp phần giúp nông dân giảm bớt khó khăn, gia tăng lợi nhuận, yên tâm mở rộng sản xuất. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các tập huấn hướng dẫn người nông dân để giới thiệu sản xuất, cách sử dụng cũng như các phân biệt để tránh mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Ký kết hợp tác với đơn vị công an, Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn, các cơ quan có thẩm quyền, hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng thường xuyên kiểm tra các đại lý, cơ sở sản xuất phân bón để ngăn chặn hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng bán tới tay người nông dân.

### 11. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

#### 11.1. Vị thế của PVCFC trong ngành

Nhu cầu phân đạm hàng năm của Việt Nam khoảng 2 triệu tấn. Trước đây phải nhập khẩu hoàn toàn. Đến nay, hiện có 4 nhà máy sản xuất phân đạm với tổng công suất tương đương 2,6 triệu tấn/năm bao gồm: nhà máy đạm Hà Bắc thuộc tỉnh Bắc Giang, công suất 500.000 tấn/năm; nhà máy đạm Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công suất 800.000 tấn/năm; nhà máy đạm Ninh Bình có công suất 550.000 tấn/năm.

**Đạm Cà Mau – Hạt Ngọc Mùa Vàng** là thương hiệu phân đạm hạt đục chất lượng cao và **duy nhất** của Việt Nam, trở thành một trong những điểm sáng của ngành dầu khí nói riêng và nền kinh tế cả nước nói chung. Chỉ trong hơn một năm đưa sản phẩm vào thị trường, Đạm Cà Mau đã phủ kín khu vực ĐBSCL.

#### 11.2. Triển vọng phát triển của ngành

**Về nguồn cung:** Châu Á đứng đầu về công suất sản xuất, tiếp theo là khu vực Trung Đông và khối các nước Liên Xô cũ. Tuy nhiên, về hiệu suất xuất của Châu Á chỉ ở mức thấp, trung bình đạt 70%, trong khi tỷ lệ này ở Trung Đông là 95%, Khối Liên Xô cũ là 79%. Sản xuất thực tế của Châu Á đạt cao nhất với mức bình quân là 105 triệu tấn/năm trong giai đoạn từ 2013-2015 và ước đạt 108 triệu tấn và năm 2020. Trung Đông là khu vực sản xuất thứ 2 trên thế giới với sản lượng bình quân từ 2013-2015 đạt 21 triệu tấn/năm và dự báo năm 2020 đạt 22,4 triệu tấn. Khối các nước Liên

Xô cũ duy trì vị thế sản xuất thứ 3 với sản lượng bình quân đạt 12 triệu tấn/năm giai đoạn 2013-2015 và tăng nhẹ vào năm 2020 với mức 13,3 triệu tấn. Tại Châu Á, Trung Quốc là nhà sản xuất hàng đầu với sản lượng trên 60 triệu tấn/năm nhưng đang có dấu hiệu giảm dần, theo đó, năm 2013 nước này sản xuất khoảng 63,3 triệu tấn, đến năm 2015 là 62 triệu tấn và dự báo đến 2020 còn 60 triệu tấn. Đứng vị trí thứ 2 là Ấn Độ với sản lượng ổn định ở mức 24 triệu tấn/năm trong cả giai đoạn từ 2013 đến 2020. Bên cạnh đó, Indonesia là nhà sản xuất thứ 3 với mức sản lượng 7-7,5 triệu tấn/năm giai đoạn 2013-2015 và đạt mức gần 9 triệu tấn vào năm 2020.

**Về nhu cầu sử dụng:** Nhu cầu tiêu thụ ure thuộc về các khu vực sản xuất trồng trọt chính của thế giới như Bắc Mỹ, Mỹ La Tinh, Châu Âu, đặc biệt là Châu Á. Riêng Châu Á tiêu thụ gần 116 triệu tấn ure/năm trong giai đoạn 2013-2015 chiếm 67% nhu cầu của cả thế giới. Xếp thứ 2 là khu vực Bắc Mỹ với 10% nhu cầu thế giới với mức ure khoảng 16-17 triệu tấn/năm. Mỹ La Tinh là thị trường tiêu thụ thứ 3 đạt khoảng 7% nhu cầu thế giới. Tại Châu Á, Trung Quốc vẫn là quốc gia tiêu thụ hàng đầu với 58,2 triệu tấn trong năm 2013, và đạt xấp xỉ 60 triệu tấn vào 2015, sau đến 63,7 triệu tấn vào năm 2020. Tiếp theo đó là Ấn Độ với mức tiêu thụ ổn định trong giai đoạn 2013-2015 là 32-33 triệu tấn/năm nhưng sẽ tăng lên khoảng 35,4 triệu tấn vào năm 2020. Các nước như Indonesia, Pakistan tiêu thụ ổn định khoảng 6-6,5 triệu tấn/năm trong giai đoạn 2013-2015 nhưng dự báo sẽ tăng nhẹ lên mức 7 triệu tấn vào năm 2020. Thái Lan tiêu thụ ổn định 2,5 triệu tấn/năm.

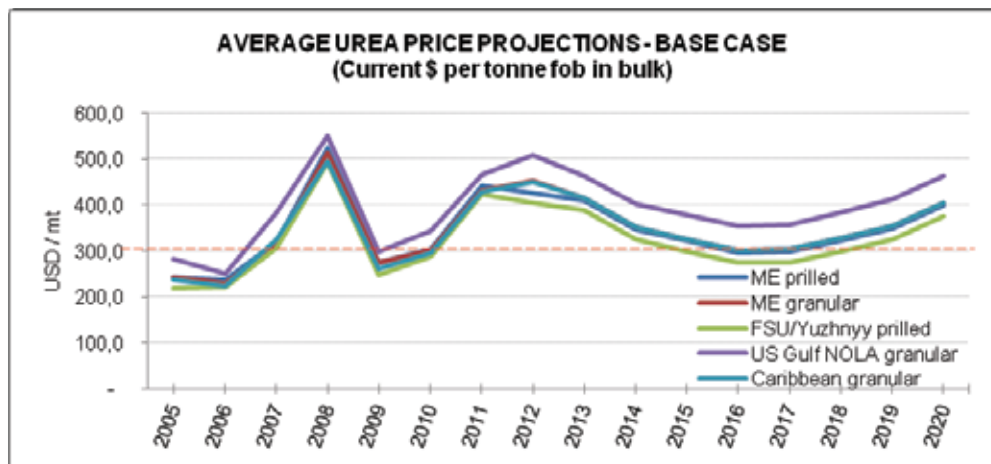
**Nhập khẩu:** Châu Á là thị trường nhập khẩu lớn nhất với mức nhập 17 triệu tấn hàng năm trong giai đoạn 2013-2015 và dự báo đến 2020 đạt 24 triệu tấn (tăng 36% so với năm 2013). Xếp vị trí tiếp theo là khu vực Bắc Mỹ với mức nhập đạt 7,5 triệu tấn năm giai đoạn 2013-2015 và dự báo đến 2020 giảm còn 4 triệu tấn do Mỹ đầu tư xây mới thêm nhiều nhà máy. Khu vực Mỹ La Tinh tiêu thụ ổn định và nhập bình quân 7,6 triệu tấn/năm trong cả giai đoạn 2013-2020. Tại Châu Á, Ấn Độ là nước nhập khẩu nhiều nhất với mức trung bình từ 8-8,5 triệu tấn trong giai đoạn 2013-2015 nhưng sẽ tăng mạnh lên 11 triệu tấn vào năm 2020. Trung Quốc, do cắt giảm sản xuất trong nước nhưng vẫn cân đối được nhu cầu trong nước đến 2015, song đến 2020, dự báo nước này phải nhập trên 3,5 triệu tấn. Thái Lan phải nhập 100% phân bón để đáp ứng nhu cầu trong nước trong khi Pakistan duy trì nhập khẩu khoảng 1,5 triệu tấn/năm. Ngoài ra, Phillippines cũng thường xuyên nhập khẩu khoảng 600.000-700.000 tấn/năm, Malaysia nhập 275.000 tấn/năm, Sri Lanka nhập 345-350.000 tấn/năm, Hàn Quốc nhập gần 800.000 tấn/năm...

**Xuất khẩu:** Các nước ở Trung Đông chiếm vị trí xuất khẩu hàng đầu thế giới với lượng xuất khẩu ổn định hàng năm đạt xấp xỉ 18 triệu tấn trong cả giai đoạn từ 2013 - 2020. Các nước khối Liên Xô cũ xuất có khuynh hướng giảm XK từ mức 9 triệu tấn năm 2013 xuống còn 7,2 triệu tấn vào năm 2015 và duy trì ở mức 8 triệu tấn vào

2020. Khu vực Châu Phi đang nổi bật so với các khu vực khác với mức xuất khẩu tăng từ 3,9 triệu tấn trong năm 2013 lên mức 8 triệu tấn vào 2014; 8,5 triệu tấn vào năm 2015 và đạt mức tối đa 11 triệu tấn vào năm 2020. Châu Á thuộc nhóm khu vực xuất khẩu thứ 4 với mức tỷ lệ giảm dần từ 7,5 triệu tấn vào năm 2013 xuống còn 5,9 triệu tấn vào năm 2015 và dự báo đến 2020 còn 5,5 triệu tấn. Tại Châu Á, Trung Quốc tạm thời vẫn là cường quốc xuất khẩu trong giai đoạn từ nay đến 2015 nhưng tốc độ sẽ giảm mạnh: năm 2013 dự kiến xuất 5,2 triệu tấn; năm 2014 xuất 3,2 triệu tấn, năm 2015 xuất 2,5 triệu tấn và đến 2020 hầu như không xuất khẩu. 3 nước trong khối Đông Nam Á là Indonesia, Malaysia, Việt Nam sẽ cạnh tranh xuất khẩu, mỗi nước xuất bình quân 650-800 tấn/năm từ năm 2013 đến 2014. Tuy nhiên, Malaysia sẽ tăng xuất khẩu lên 1,4 triệu vào năm 2015 và 1,7 triệu tấn vào 2020 trong khi đó Indonesia tăng xuất khẩu gần 2 triệu tấn vào năm 2020.

Với hiện trạng tình hình cung cầu như phân tích trên đây đã ảnh hưởng lớn đến giá cả urê ở các thị trường. Theo đó, giá phân bón dự báo sẽ tiếp tục trong xu thế giảm trong thời gian tới trước khi có thể hồi phục vào năm 2017-2018 trở đi.

Dự báo giá Urê thế giới đến 2020:



Nguồn: Fetercon

## 12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa

### 12.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược

#### 12.1.1. Tầm nhìn chiến lược

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ nông nghiệp và công nghiệp dầu khí.

#### 12.1.2. Sứ mệnh

Là nhà sản xuất, kinh doanh phân bón trên nền tảng công nghiệp hóa dầu phục vụ nông nghiệp, cung cấp các giải pháp về dinh dưỡng cho cây trồng, góp phần thay

đổi nền nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, thân thiện môi trường, bảo đảm lợi ích hài hòa cho Chủ sở hữu, khách hàng, người lao động và doanh nghiệp.

### **12.1.3. Giá trị cốt lõi**

"Ân cần - Thân thiện, Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Trách nhiệm - Hài hòa"

Đáp ứng mục tiêu Phát triển bền vững, hài hòa lợi ích là kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Công ty.

- Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, đầu tư có hiệu quả và có chọn lọc.

- Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp sáng tạo, đáp ứng đời sống người lao động

- Đảm bảo chữ tín đối với khách hàng, là địa chỉ tin cậy của nhà nông

- Tích cực hưởng ứng và tham gia vào công tác XH, luôn gắn bó mật thiết với nông dân.

### **12.1.4. Mục tiêu chiến lược**

Xây dựng công ty có hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại; Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước làm gia tăng chuỗi giá trị.

Đảm bảo vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả Nhà máy Đạm Cà Mau, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến và tối ưu hoá sản xuất.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối bền vững để tiêu thụ hiệu quả toàn bộ sản phẩm do Nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất; Xây dựng và phát triển thương hiệu "Đạm Cà Mau – Hạt Ngọc Mùa Vàng" trở thành thương hiệu hàng đầu trong nước và khu vực.

Đầu tư có hiệu quả các dự án phục vụ đa dạng hoá sản phẩm; hình thành Trung tâm nghiên cứu phát triển và ứng dụng các sản phẩm phân bón phục vụ nông nghiệp và cung cấp dịch vụ khách hàng.

#### **➤ Tổ chức và quản lý:**

Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng lên tầm có những chuyên gia đầu ngành. Tiến tới cung cấp dịch vụ nhân lực ra nước ngoài.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: "Ân cần - Thân thiện, Chuyên nghiệp - Sáng tạo, Trách nhiệm - Hài hoà".

Hoàn thiện và phát huy hiệu quả sử dụng các hệ thống quản trị tiên tiến trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (ERP, RBI, CMMS, KPI,...) vào quá trình SXKD.



➤ **Mục tiêu sản xuất:**

Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau hiệu quả, an toàn, ổn định (105% công suất thiết kế).

Nghiên cứu nâng công suất nhà máy Đạm Cà Mau, tối ưu hoá sản xuất để nâng cao hiệu quả và duy trì tuổi thọ của thiết bị trong từng giai đoạn.

Đa dạng hóa sản phẩm phân bón Urê, phân bón tổng hợp, phân bón vi sinh phục vụ cải tạo đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Phát triển dịch vụ đào tạo vận hành, bảo dưỡng, chạy thử và quản lý chất lượng cho các nhà máy tương tự.

➤ **Mục tiêu kinh doanh:**

Duy trì chiếm lĩnh tối thiểu thị trường Tây Nam Bộ 65%, Đông Nam Bộ 30%, thị trường Campuchia 50% trong giai đoạn 2015 – 2020. Mở rộng thị trường xuất khẩu phân đạm tại Thái Lan và các nước Châu Á khác gần Việt Nam.

Tổ chức kinh doanh, phát triển thương hiệu “Đạm Cà Mau” là một trong những thương hiệu có uy tín trên thị trường trong nước và khu vực Đông Nam Á từ năm 2015.

Xây dựng kênh phân phối hiệu quả, phát triển ra hầu hết các địa phương trên toàn quốc cho sản phẩm Đạm Cà Mau (bao gồm cả sản phẩm mới). Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để kiểm soát chặt chẽ hệ thống kênh phân phối.

Tham gia tích cực vào các chuỗi liên kết hoạt động kinh doanh khép kín từ khâu Giống - Phân bón - Chế biến - Dịch vụ các sản phẩm nông nghiệp nhằm gia tăng giá trị dịch vụ và vị thế của Công ty.

➤ **Mục tiêu đầu tư mở rộng và phát triển**

Đầu tư mở rộng sản xuất các sản phẩm mới nhằm nâng cao sản lượng phân bón sản xuất từ nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

Tiếp tục nghiên cứu và đầu tư chiều sâu các dự án sản xuất phân bón nhằm cải tạo đất để làm giàu chất dinh dưỡng trong đất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Nghiên cứu và xem xét đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm mới dựa trên nguồn nguyên liệu từ các nhà máy lọc hoá dầu.

Khai thác và đầu tư mở rộng các hệ thống kho bãi, hậu cần và thiết bị công nghệ của Nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mua hoặc đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp có cùng ngành nghề chính với Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty khi có cơ hội thuận lợi.

Tìm kiếm cơ hội và đầu tư các dự án SKXD phân bón, hóa chất trong và ngoài nước.

➤ **Mục tiêu tài chính:**

Xây dựng hệ thống quản trị tài chính tiên tiến.

Phát huy tối đa hệ thống ERP phục vụ công tác báo cáo quản trị và tham mưu quản trị tài chính doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu tài chính luôn an toàn và kiểm soát chặt chẽ rủi ro tài chính.

Sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo vốn luôn được bảo toàn và phát triển.

➤ **Mục tiêu quan hệ cộng đồng**

Xây dựng hình ảnh thân thiện của Công ty đối với cộng đồng, đặc biệt là với nông dân. Thực hiện tốt công tác ASXH, gắn lợi ích của người dân làm nông nghiệp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác ASXH theo chủ trương của Tập đoàn và của Công ty. Hướng tới nằm trong nhóm công ty dẫn đầu về công tác an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

**12.1.5. Phương án đầu tư phát triển, chiến lược phát triển của doanh nghiệp**

TT	Tên dự án	Quy mô dự án
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	
1	Dự án nhà kho chứa Urê bao	10.000 tấn
2	Dự án xây dựng trung tâm nghiên cứu phát triển	-
3	Dự án ERP	Các phân hệ cơ bản
4	Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất phân viên nén phức hợp	40.000 tấn/năm
<b>II</b>	<b>Dự án đang xem xét nghiên cứu đầu tư</b>	
1	Dự án nâng cấp mở rộng phân xưởng NH3	90.000 tấn/năm
2	Dự án Nhà máy sản xuất MA và các dẫn xuất	97.000 tấn/năm
3	Dự án Nhà máy Sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy	300.000 tấn/năm
4	Dự án Nhà máy Sản xuất phân hỗn hợp hữu cơ, vi sinh	100.000 tấn/năm
5	Dự án nâng cấp và mở rộng cảng xuất nhập hàng hóa	2 triệu tấn/năm

### 12.1.6. Kế hoạch sản xuất

#### a. Chỉ tiêu sản lượng và tiêu thụ giai đoạn 2015 – 2018

ĐVT: tấn

STT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<b>I Sản xuất</b>					
1	Các loại phân bón (Phân Urê, Urê+TE, phân hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp,...)	782.000	816.360	819.560	934.610
<b>II Tiêu thụ</b>					
1	Các loại phân bón (Phân Urê, Urê+TE, phân hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp,...)	782.000	816.360	819.560	934.610
2	Phân bón tự doanh	15.000	40.000	40.000	40.000

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PVCFC

#### b. Chỉ tiêu về giá khí đầu vào giai đoạn 2015 – 2018

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đảm bảo về giá khí cho PVCFC giai đoạn 2015 - 2018 để Công ty có tỷ suất lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân là 12%/năm từ hoạt động SXKD phân bón (thông qua Hợp đồng mua bán khí).

#### c. Chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận giai đoạn 2015 – 2018

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2015	2016	2017	2018
1	Doanh thu	5.582	6.250	6.433	7.442
2	Giá vốn hàng bán	4.084	4.720	4.945	5.909
3	Lãi gộp	1.498	1.530	1.488	1.533
4	Chi phí bán hàng	298	374	398	495
5	Chi phí quản lý DN	120	121	123	125
6	Chi phí tài chính	444	359	282	220
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	636	677	685	693
8	Thuế TNDN	-	34	34	35
9	Lợi nhuận sau thuế	636	643	651	658

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PVCFC

### 13. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Bảng cơ cấu vốn điều lệ của PVCFC khi thành lập: 5.294 tỷ đồng (tương đương 529.400.000 cổ phần).

STT	Cổ đông	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ / vốn điều lệ
1	Nhà nước	<b>2.699.940</b>	<b>269.994.000</b>	<b>51,00%</b>
2	Bán ra bên ngoài	<b>2.594.060</b>	<b>259.406.000</b>	<b>49,00%</b>
A	Bán ưu đãi cho CBCNV	15.034	1.503.400	0,28%
B	Bán ưu đãi cho Công Đoàn	0	0	0%
C	Chào bán ra công chúng	1.289.513	128.951.300	24,36%
D	Bán cho NĐTCL:	1.289.513	128.951.300	24,36%
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.294.000</b>	<b>529.400.000</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PVCFC

### 14. Các nhân tố rủi ro

#### 14.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Những biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

Tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của PVCFC nói riêng. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa tăng nhanh. Ngược lại, khi nền kinh tế có những biến động tiêu cực, lạm phát tăng cao, các biện pháp kiềm chế lạm phát và thắt chặt tín dụng làm cho việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa trở nên khó khăn hơn, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ sụt giảm... sẽ gây ra những khó khăn nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện nay nền Kinh tế Việt Nam đã thoát khỏi ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009 và đang trên đà hồi phục mạnh mẽ, do vậy có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

## 14.2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động của Công ty trước tiên chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy liên quan. Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và in ấn bao bì, mua bán kinh doanh chất dẻo nguyên sinh và phân bón.... nên Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các Luật khác như Luật thương mại, Luật bảo vệ môi trường,... Ngoài ra, khi tiến hành đấu giá cổ phần trên thị trường chứng khoán, hoạt động của Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện do đó các văn bản Luật và dưới luật có nhiều chỉnh sửa để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Những thay đổi này sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty.

Nghị định 202/2013/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 27/11/2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/2/2014 đã hoàn thiện các khung pháp lý cao hơn để hạn chế phân bón giả kém chất lượng, các loại phân bón có ảnh hưởng đến môi trường,... nhằm lành mạnh hóa thị trường phân bón trong nước, đảm bảo đưa đến nông dân những loại phân bón có chất lượng cao, giá cả hợp lý có tác dụng tích cực đến hoạt động SXKD của PVCFC.

## 14.3. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro về thay đổi tỷ giá cũng là một nhân tố ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả kinh doanh các công ty. Doanh nghiệp hiện đang vay ngoại tệ để tài trợ cho dự án nhà máy Đạm Cà Mau, đến thời gian thanh toán tỷ giá có thể thay đổi và xảy ra rủi ro doanh nghiệp phải mua ngoại tệ với giá cao hơn giá lúc vay để trả nợ cho các ngân hàng. Nhất là trong thời kỳ kinh tế thế giới đang bước vào thời kỳ khủng hoảng thì mức độ biến động tỷ giá càng khó lường. Tương tự trong lĩnh vực xuất khẩu, khi tất toán hợp đồng doanh nghiệp thu ngoại tệ về, rủi ro tỷ giá VND/ngoại tệ giảm so với tỷ giá ký kết trong hợp đồng cũng có thể xảy ra.

## 14.4. Rủi ro của đợt chào bán

Tình hình kinh tế trong nước tuy chưa hoàn toàn thoát hẳn khó khăn nhưng đã dần trở nên ổn định, lạm phát có dấu hiệu đã được kiểm soát, mặt bằng lãi suất liên tục được điều chỉnh theo hướng giảm... là những yếu tố đã nâng đỡ tâm lý của nhà đầu tư quay trở lại thị trường chứng khoán.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2014 đã ghi nhận một đợt tăng điểm tương đối mạnh, VNIndex tăng mạnh từ 504,5 điểm lên tương đương 607,6 điểm, và điều chỉnh giảm trong tháng 4 đến tháng 6 năm 2014 còn khoảng 575 điểm do áp lực chốt lãi cùng với một phần sự kiện chính trị tại Biển Đông. Tăng nhẹ lại

trong giai đoạn tháng 7 đến cuối tháng 9 tương đương 600 điểm. Điều này cho thấy, xu hướng tăng trưởng của thị trường vẫn chưa ổn định.

Cùng với đó, các sự kiện kinh tế - chính trị khách quan cũng ảnh hưởng lớn đến sự sụt giảm mạnh trong thời gian ngắn vừa qua của thị trường chứng khoán cũng có những tác động nhất định đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của PVCFC sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

Trường hợp bán không hết thì xử lý theo quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư 196/2011/BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

#### **14.5. Rủi ro khác**

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như chiến tranh, khủng bố, các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh.

### **15. Phương thức bán & thanh toán tiền mua cổ phần.**

#### **15.1. Phương thức bán cổ phần**

Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau sẽ thực hiện việc đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài qua tổ chức tài chính trung gian là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI) thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo đúng quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Nghị định 189/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Theo phương án cổ phần hóa, Công ty chọn hình thức cổ phần hóa “Bán một phần vốn nhà nước của PVN tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau và đồng thời niêm yết ngay trên Sở Giao dịch chứng khoán”.

PVN sẽ tiếp tục nắm cổ phần chi phối tại PVCFC với tỷ lệ không thấp hơn 51% vốn điều lệ của PVCFC. Cổ phần chào bán ra bên ngoài thông qua hình thức đấu giá

cổ phần lần đầu ra công chúng cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá, chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá sẽ được thực hiện trước, từ kết quả chào bán lần đầu này sẽ làm cơ sở chào bán cổ phần giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty theo quy định về cổ phần hóa; việc chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược sẽ triển khai sau khi bán đấu giá cổ phần hoặc sau khi PVCFC hoàn tất cổ phần hóa.

### 15.1.1. Đối với người lao động:

Căn cứ theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP các quy định, các đối tượng được mua cổ phần của PVCFC với giá ưu đãi là người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của PVCFC tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Số lượng và giá bán cổ phần cụ thể như sau:

TT	Tiêu chí phân loại cổ phần mua ưu đãi	Số lượng CBNV được mua ưu đãi	Số cổ phần ưu đãi	Giá ưu đãi
1	Người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	770	323.500	Bằng 60% so với giá đấu thành công thấp nhất
2	Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm sau CPH (*)	515	875.400	Bằng với giá đấu thành công thấp nhất
3	Người lao động người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp sau CPH (**)	72	304.500	Bằng với giá đấu thành công thấp nhất
<b>Tổng Cộng</b>			<b>1.503.400</b>	

(\*) Người lao động theo đối tượng này mua tối đa không quá 2.000 CP/người.

(\*\*) Người lao động theo đối tượng này mua tối đa không quá 5.000 CP/người.

### 15.1.2. Đối với tổ chức Công đoàn

Công đoàn công ty PVCFC không mua cổ phần của Công ty.

### **15.1.3. Đối với nhà đầu tư chiến lược**

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho Nhà đầu tư chiến lược là 128.951.300 cổ phần, tương ứng 1.289.513.000.000 đồng, chiếm 24,36% vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện sau khi đấu giá công khai hoặc sau khi hoàn tất cổ phần hóa. Việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược do PVN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược do cơ quan quyết định cổ phần hóa và cấp có thẩm quyền quyết định tiêu chí lựa chọn, phương thức chào bán, số lượng cổ phần chào bán và thời điểm chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

#### **Tiêu chí lựa chọn cổ đông chiến lược dự kiến:**

Cổ đông chiến lược của PVCFC ngoài việc cam kết gắn bó lợi ích lâu dài còn hỗ trợ PVCFC sau cổ phần hóa đảm bảo một trong các tiêu chí sau:

- Cung ứng nguyên liệu khí đầu vào: có khả năng cung cấp hoặc tìm nguồn cung cấp khí lâu dài với giá cả cạnh tranh nhằm hỗ trợ PVCFC về chi phí giá khí đầu vào và nguồn cung khí lâu dài;
- Hỗ trợ về kỹ năng quản trị, công nghệ, hợp tác nghiên cứu phát triển: Các nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực dầu khí có khả năng tư vấn, hỗ trợ các giải pháp kỹ thuật hiện đại, tiến tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ PVCFC công tác nghiên cứu và phát triển để cung cấp thêm nhiều sản phẩm mới, dịch vụ chất lượng cao ra thị trường. Hỗ trợ PVCFC nâng cao hiệu quả quản lý và quản trị doanh nghiệp tăng cường sức mạnh cạnh tranh của PVCFC trong điều kiện hội nhập quốc tế;
- Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm: Có khả năng hỗ trợ trong việc tiêu thụ sản phẩm của PVCFC ra thị trường trong nước. Có khả năng giúp PVCFC tạo mối quan hệ thân thiết với khách hàng cũng như tìm kiếm các khách hàng mới, mở rộng hệ thống phân phối trong và ngoài nước;
- Năng lực tài chính: Có tiềm lực tài chính vững mạnh. Có khả năng tham gia góp vốn hỗ trợ PVCFC trong các kế hoạch phát triển chiến lược nếu cần thiết hoặc hỗ trợ PVCFC tiếp cận những nguồn vốn vay hoặc góp thêm vốn vào PVCFC.

### **15.1.4. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:**

Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư tham dự đấu giá là 128.951.300 cổ phần, tương ứng 1.289.513.000.000 đồng, chiếm 24,36% vốn điều lệ của Công ty.



Mức đăng ký mua tối thiểu là 100 cổ phần, tương đương 1.000.000 đồng mệnh giá.

Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải được tuân thủ chặt chẽ các quy chế và yêu cầu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành.

Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

## **15.2. Phương thức thanh toán & thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần**

Theo đúng quy chế bán đấu giá cổ phần của PVCFC do Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.

## **16. Kế hoạch niêm yết cổ phiếu**

Công ty sẽ triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu ngay sau khi hoàn tất cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP về việc cổ phần hóa đồng thời niêm yết ngay trên Sở Giao dịch chứng khoán.

PVCFC có kế hoạch sẽ làm việc và nộp hồ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), dự kiến đưa cổ phiếu giao dịch chính thức trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng đăng ký doanh nghiệp.

## **17. Kế hoạch sử dụng tiền từ bán cổ phần**

Điều 42 Nghị Định 59/2011/NĐ-CP hình thức cổ phần hóa bán bớt phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thì số tiền thu từ cổ phần hoá sẽ được sử dụng như sau:

- Tiền thu từ cổ phần hóa được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư (PVCFC không có lao động dôi dư) khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- Số tiền thu từ bán phần vốn nhà nước còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) sau khi trừ các khoản chi theo quy định được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn PVN.
- Để làm cơ sở tính toán và lập phương án sử dụng số tiền thu từ bán cổ phần thuộc phần vốn nhà nước, PVCFC dự kiến giá đấu thành công bình quân thực tế bằng mức giá khởi điểm là 12.000 đồng/cổ phần.

**Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán CP**

<b>TT</b>	<b>Kế hoạch hoàn vốn</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
<b>1</b>	<b>Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại</b>	(a)	<b>5.294.604.806.897</b>
<b>2</b>	<b>Vốn điều lệ Công ty cổ phần</b>	(b)	<b>5.294.000.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Chênh lệch (1) và (2)</b>	(c) = (a) – (b)	<b>604.806.897</b>
<b>4</b>	<b>Vốn Nhà nước để lại tại DN</b>	(d)	<b>2.699.940.000.000</b>
<b>5</b>	<b>Phần vốn Nhà nước bán ra bên ngoài</b>	(e) = (b) - (d)	<b>2.594.060.000.000</b>
<b>6</b>	<b>Tiền thu từ chào bán cổ phần</b>	(f)	<b>3.111.319.200.000</b>
6.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	(f.1)	16.488.000.000
6.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	(f.2)	1.547.415.600.000
6.3	Thu từ bán cho nhà đầu tư chiến lược	(f.3)	1.547.415.600.000
<b>7</b>	<b>Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện</b>	(g)	<b>2.777.500.000</b>
<b>8</b>	<b>Chi phí chào bán cho nhà đầu tư chiến lược (dự kiến)</b>	(h)	<b>30.948.312.000</b>
<b>9</b>	<b>Tổng số tiền nộp về PVN</b>	(i) = (c) + (f) – (g) – (h)	<b>3.078.198.194.897</b>

**THAY LỜI KẾT**

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau cung cấp theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này để ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Xin trân trọng cảm ơn!

Cà Mau, ngày 27 tháng 10 năm 2014

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM  
BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
TRƯỞNG BAN**

**PHAN ĐÌNH ĐỨC**

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TY TNHH MTV  
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÙI MINH TIẾN**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ  
GIÁM ĐỐC**

**PHẠM QUANG HUY**



**CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Lô D, Khu Công nghiệp Phường 1, Ngô Quyền, P. 1, TP. Cà Mau

Tel: +84.780.3819000 | Fax: +84.780.3590501

Email: [contact@pvfc.com.vn](mailto:contact@pvfc.com.vn)

[www.pvfc.com.vn](http://www.pvfc.com.vn)